

SỐ 1728

QUÁN ÂM NGHĨA SỚ

Đại sư thiên Thai - Trí Giả đời tủy giảng

Học trò là Quán Đảnh ghi

QUYỂN THƯỢNG

Văn này đã nêu riêng ra Đại bộ, có người cũng chia văn làm ba đoạn, nghĩa là từ đầu hỏi trở đi là phần Tựa, Đức Phật trả lời trở đi là phần chánh Tông, từ Trì Địa trở đi là phần Lưu thông. Lại có chỗ nói người kết tập kinh điển trình bày ấy là Tựa, từ Vô Tận Ý bạch Phật trở đi là chánh Tông, từ Trì Địa trở đi là Lưu thông. Nay Sư có lúc cũng chia làm ba đoạn, có lúc không chia làm tên gọi ba đoạn, nhưng chia làm ba chương: Một là Vô tận ý thưa hỏi; Hai là Đức Phật trả lời; Ba là Trì Địa khen ngợi. Hoặc chia làm bốn chương, ba chương như trước, chương bốn là nghe phẩm được lợi ích. Hoặc chia làm hai đoạn, đó là trước sau hai lần hỏi đáp. Chia chương mục nhiều loại là tùy theo ý sử dụng của mỗi người.

Nếu chia chương mục theo câu hỏi và trả lời thì có hai lần hỏi đáp, lần hỏi đáp đầu tiên nói về các nghĩa lợi ích Thọ Vương thâm kín của Quán Âm lần hỏi đáp sau nói về các nghĩa về lợi ích hiển bày Châu Vương của Phổ Môn . Ngay lần hỏi đáp trước chia làm hai: Một. Hỏi. Hai là Đáp. Phần Hỏi chia làm bốn: Một là Thời tiết. Hai là Nêu người. Ba là Kính nghi. Bốn Chính là hỏi.

Một là Nhĩ thời: Nhĩ là nói ngay lúc ấy. Ngay lúc ấy nói về Diệu Âm mở mang truyền bá kinh điển ở phương Đông đã hoàn tất, kế là nói về thời gian mở mang truyền bá kinh điển Quán Âm của phương Tây, cho nên nói là “bấy giờ”. Hoặc có thể đại chúng đã nghe Diệu Âm mở

mang truyền bá kinh điển vui vẻ đã xong là lúc thích hợp nghe về sự phát tâm sanh thiện của Quán Âm, cho nên nói là “bấy giờ”. Hoặc có thể lúc ấy đại chúng nghi ngờ nhiều vấn đề đối với Diệu Âm, như vì lợi ích nói pháp trên đây phá trừ tình ý nghi ngờ của đại chúng đã xong, tiếp đại chúng nghi ngờ về đức của Quán Âm, đây chính lúc phá trừ nghi ngờ này, cho nên nói là “bấy giờ”. Hoặc có thể lúc ấy căn cơ đại chúng đang nghe về Diệu Âm liền đạt được đạo, như Bồ-tát hai cõi đạt được đạo đã xong, đây là lúc tám muôn bốn ngàn người hiểu ra lý lẽ, cần phải nghe về Quán Âm, cho nên nói là “bấy giờ”. Chư Phật Như-lai không thể nói pháp uổng công, có bốn tất-đàn nhân duyên như thế mới là nói, chính là lúc giảng nói bốn tất-đàn cho nên nói là “bấy giờ”.

Hai là Nêu ra người: Chính là Vô Tận ý. Gọi là Vô Tận: Chẳng phải tận như thế chẳng phải vô tận vì đối với Tiểu thừa nói về tận cho nên nói là vô tận. Tiểu thừa nói tận vì đối với Tận trí, vô sanh trí, tận của diệt sắc lấy không cho nên gọi là vô tận. Lại chép: Sao vô tận gọi là Không bất khả tận - Giả bất khả tận - Trung bất khả tận, vì thế nói là vô tận? Kinh Đại Phẩm chép: “Chính nơi sắc là không - chẳng phải sắc diệt là không - Không cho nên vô tận”. Còn kinh Đại Tập giải thích về Vô Tận ý: Từ phương Đông vượt qua mười Hằng hà sa cõi nước vi trần thế giới, cõi nước tên gọi là Bất Thuần - Đức Phật hiệu là Phổ Hiền, toàn các vị Bồ-tát không có tên gọi Nhị thừa, chỉ tu Tam-muội niệm Phật bất diệt bất sanh bất xuất, tâm hạnh bình đẳng giống như hư không, đúng là niệm Phật, ngay lúc thấy Phật liền đầy đủ sáu Ba-la-mật, được Vô sanh nhẫn, đó gọi là không giữ lấy sắc tức là bố thí (đàn), trừ bỏ sắc tướng tức là trì giới (thi), quán sát sắc không còn tức là nhẫn nhục (sạn đề), quán sát sắc vắng lặng tức là tinh tiến (tỳ-lê-da), không lưu hành sắc tức là thiền định (thiền), không hý nói về sắc tức là trí tuệ (Bát-nhã). Thân Tử hỏi: Vì sao ông hiệu là Vô Tận Ý? Đáp: Tất cả các pháp nhân duyên quả báo vô tận, tất cả các pháp bất khả tận, lúc mới phát tâm vô thượng Bồ-đề đã bất khả tận. Ví như hư không bất khả cùng tận, vì Nhất-thiết-trí phát tâm Bồ-đề, há có thể cùng tận ư? Giới định tuệ giải thoát - giải thoát tri kiến - mười lực vô úy v.v... của chư Phật vô tận, nhờ những điều như vậy mà phát tâm cho nên bất khả tận, tánh chúng sanh vô tận, giáo hóa chúng sanh vô tận, biết tất cả pháp tánh vô tận cho nên vô tận, đây gọi là Bồ-tát phát tâm vô tận. Còn Đàn Ba-la-mật vô tận, cho đến phương tiện vô tận, gồm có tám mươi vô tận, tám mươi vô tận đều có thể hàm chứa được tất cả Phật pháp, từ đây được tên gọi là Vô Tận Ý. Lại trong Tịnh Danh chép: “Sao gọi là tận - Gọi

là bất tận hữu vi? Sao gọi là vô tận Bất trụ vô vi? Hoa Nghiêm có mười pháp môn vô tận, các kinh như vậy đều căn cứ theo giả danh, phân biệt tất cả các pháp nhân duyên quả báo, để nói về Vô Tận Ý”. Lại như kinh Thắng Man chép: “Sắc của Như-lai tất cả đều vô tận - trí tuệ cũng giống như vậy, tất cả các pháp thường trú”. Còn kinh Đại Phẩm chép: “Tất cả pháp phát khởi ý là phát khởi không sai lầm, ý là pháp giới ý thì chẳng phải tận chẳng phải vô tận. Vô tận như vậy ví như chẳng phải thường chẳng phải vô thường đây mới là thường”. Còn trong kinh Tịnh Danh chép: “Pháp hoặc là tận hoặc là bất tận đều là tướng vô tận. Tướng vô tận tức là không - không thì chẳng có tận và bất tận, cho nên biết chẳng phải tận chẳng phải vô tận là nghĩa chân thật vô tận”. Còn kinh Đại Phẩm chép: Si như hư không không thể cùng tận, cho đến già chết như hư không không thể tận, sắc không thể tận cho đến thức không thể tận. Các kinh như vậy đều dựa theo Lý Trung đạo, để gọi Vô tận. Thông đạt pháp không - Giả - Trung của ba đế không thể tận, cho nên gọi là Vô Tận Ý Bồ-tát. Cũng gọi là các nghĩa tâm, trí, thức, sắc, thọ, tưởng, hành, v.v... vô tận không thể nói không thể giải thích không thể chuyển tải điều đó”.

Bồ-tát: Tiếng nước ngoài là Ma-ha Bồ-đề Chất-đa-đát-đỏa, Hán dịch là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh. Tâm hạnh bắt đầu ấy là phiền não sanh ra, nhị thừa là năm phần pháp thân sanh ra, lục độ Bồ-tát là phước đức sanh ra, Biệt - Viên là Trung đạo sanh ra, vì thế Đại Phẩm chép: “Thân Như-lai ấy là không từ một nhân, một duyên sanh ra, thân Như-lai Bồ-tát là chúng sanh sinh ra, cho nên nói chúng sanh phát tâm cầu Phật, nên nói là đại đạo, lợi ích tất cả dùng pháp đạo thành tựu tha, hoặc nói thành tựu chúng sanh”. Giải thích rộng về nghĩa Bồ-tát như phần thọ Ký.

Ba là Kính nghi, chia làm ba: Đứng lên, vén y bày vai phải, chấp tay. Đứng lên (khởi) sách Lễ chép là thưa hỏi, đứng lên xin, nghiệp khởi. Bồ-tát hướng về Phật đầy đủ hai lễ tiết đó cho nên nói là khởi. Quán thích Bồ-tát thường tu hạnh xa lìa cho nên nói là khởi, cũng là khế hợp các pháp Không - Không chính là chỗ ngồi, ở không này chẳng có gì đảm nhiệm nên nói là khởi. Còn Bồ-tát an trụ trong lý không - lý vốn không khởi, vì thương xót chúng sanh cho nên nối tiếp cơ duyên lợi ích do đó nói là khởi. Lại Trung đạo vắng lặng chẳng phải khởi chẳng phải không khởi, mà có thể khởi, có thể không khởi, cái khởi của vô khởi, khởi tức là thật tướng cũng khởi thật tướng của chúng sanh cho nên nói là khởi.

Vén y bày vai phải: Nước ngoài lấy sự vén y để cung kính bày tỏ. Để lộ vai ấy là bày tỏ sự chấp phụng làm tiện lợi, biểu hiện nghi thức đệ tử phụng sự thầy đầy trách nhiệm làm trò, vì thế cho nên lấy sự vén y làm cung kính. Ở Trung quốc thì sự vén y là khinh mạn, nhưng xưa kia có Tu Giả tiên sinh để lộ thịt trên người cảm tạ hương về Trương Nghi lộ ra hai xương đùi, nên trung quốc cũng không thường là khinh mạn. Giải thích tử mĩ là che phủ.v... lộ ra biểu thị hai đế không - Giả, còn biểu thị quyền thật thì thật sự không thể nói, như che phủ bên trái biểu thị có lợi ích thâm kín quyền biến đối với hóa độ tiện lợi, như bày ra bên phải biểu thị có lợi ích hiển bày.

Chấp tay: Trung quốc lấy sự chấp tay vái làm cung kính, nước ngoài chấp tay lại là tôn kính, tay vốn hai phía nay hợp lại thành một, biểu thị không dám tán động chuyên chú hết mực nhất tâm, từng tâm tương xứng cho nên lấy đó biểu thị sự cung kính. Giải thích tử mĩ điều ấy thì xưa kia quyền - thật không kết hợp mà nay được kết hợp. Còn năm ngón tay biểu thị cho năm ấm. Kinh Nhân vương chép: “Pháp tánh sắc, thọ, tưởng, hành, thức”, đây tức là thật trí chân thân cũng có năm ấm, ứng hóa nhân duyên cũng có năm ấm, lý tánh của chúng sanh đạt được cũng có năm ấm, quả báo sanh tử của chúng sanh cũng có năm ấm, bậc Thánh vì hóa độ chúng sanh thị hiện có ứng thân năm ấm, mà ấm quyền - thật sai khác. Nếu lý pháp tánh của chúng sanh hiển bày, bậc Thánh cũng ngừng hóa độ trở về chân, thì quyền - thật không hai. Chấp tay biểu thị cho trở về nguồn gốc, đi vào sự lý chẳng phải quyền, chẳng phải thật khế hợp cho nên chấp tay. Hương Phật: Biểu thị nhân của muôn thiện hưởng về quả muôn đức, cũng là người thực hành phân chứng quyền thật hợp lại, hưởng về quyền thật rốt ráo hợp lại cho nên nói là hưởng Phật.

Bốn là Phát khởi hỏi: Từ đây trở xuống có hai lần hỏi - đáp, lần đầu hỏi về Quán Thế Âm, lần sau hỏi về Phổ Môn. Lần hỏi trước chia làm ba:

1. Khen ngợi.
2. Nêu ra người thưa hỏi.
3. Chính thức thưa hỏi.

Trong Đại Kinh chép: “Ông có hai trang nghiêm để hỏi nghĩa này, Ta có hai trang nghiêm để trả lời nghĩa này. Nay Vô Tận Ý có hai trang nghiêm muốn hiển bày hai loại trang nghiêm của Quán Âm, khởi sự thưa hỏi Như-lai. Như-lai rất ráo có đủ hai trang nghiêm, thích hợp trả lời nghĩa này”. Thích Luận chép: Hỏi có nhiều thứ - không

hiếu mà hỏi - thử hỏi - ứng cơ mà hỏi. Nay Vô Tận Ý chính là ứng cơ mà hỏi”. Thế Tôn: Tức là khen ngợi tôn hiệu, mười hiệu xuất xứ từ Thích Luận, dùng tôn hiệu đó giải thích Quán Thế Âm Bồ-tát này, tức là nêu lên người được hỏi, đầy đủ như trước giải thích.

Nhân duyên gì: Nhân duyên rất nhiều, sơ lược nói về cảnh trí nhân duyên. Nếu dựa vào chúng sanh thì dùng hai cơ thiện ác làm nhân, linh trí từ bi của bậc Thánh làm duyên. Nếu dựa sát vào quán trí thì bi của bậc Thánh là nhân, chúng sanh cơ cảm là duyên.

“Vì sao hiệu là Quán Thế Âm: Như trên đã giải thích.

Thứ hai đức Phật trả lời chia làm ba: Một là trả lời chung. Hai là trả lời riêng. Ba. Khuyến khích trì niệm. Tổng quát trả lời chia làm hai: Một. Nói về cơ. Hai. Nói về ứng. Cơ chia làm bốn: Một là nêu lên nhân số. Hai là nói về gặp khổ. Ba là nghe danh hiệu. Bốn là xưng danh hiệu.

Một là số ấy là cơ trong mười pháp giới thật sự từ vô lượng mà nói về trăm ngàn muôn ức, đây là sơ lược con đường chung. Nghiệp đồng là như một cõi địa ngục đại khái giống nhau, trong đó tốt đẹp hay hạ thấp có gì khác địa ngục. Như một địa ngục lại có trăm ngàn muôn ức phẩm cách sai khác, mỗi phẩm cách lại có trăm ngàn muôn ức người tội, tội nghiệp người này đích thực giống nhau cho nên cùng chịu một thứ tội khổ. Mở rộng ý này trải qua Ngạ quỷ, Súc sanh - Tu-la - Người - Trời cũng đều như vậy. Vì vậy biết số này là nêu lên ý đồng nghiệp lực. Sở dĩ nêu lên nhiều số là trình bày trăm ngàn muôn ức loại nghiệp gặp phải khổ đau mà xưng gọi danh hiệu, trong một lúc có căn cơ thì trong một lúc có thể ứng, đều được giải thoát, huống chi một người một nghiệp một cơ chỉ có đến mà không thể cứu? Đây là nêu ra các cảnh nhiều cơ để nói lên quán sâu sắc ứng rộng lớn.

Hai là nói về gặp khổ: tức là chịu đựng các khổ não. Lời này thành tựu nghĩa trên. Trăm ngàn ở trên là nghiệp lực giống nhau, đây là nói chung các khổ. Một khổ não là một nghiệp: Tất cả có trăm ngàn muôn ức. Trên nói về số giống nhau - dưới nói về nghiệp khác biệt. Sử dụng ý này trải qua trăm cơ tội đồ của mười pháp giới, không thể nói - không thể nói được. Nay nói chịu đựng khổ não ấy, chính là hiện tại gặp phải khổ ách. Khổ này do kiết nghiệp của quả nhiều cho nên nhân cũng nhiều. Đây chính là trả lời chung - văn lược mà ý rộng. Đầy đủ khắp cả mười pháp giới không chỉ có loài người mà thôi. Trong trả lời riêng sau đó văn rộng mà ý hẹp. Đặc biệt nêu ra bảy nạn trong loài người mà thôi, cho nên đây trả lời chung.

Ba là nghe danh hiệu: Ở trên nói về gặp khổ - kế là nói về sanh thiện, thiện ác hợp lại thành cơ. Đây là nói nghe có bốn nghĩa như thọ Ký. Nếu có thể thông suốt bốn loại nghĩa đã nghe đó tức là Văn tuệ, tâm không hề nương cây, không trú, không chấp trước tức là tư tuệ, nhất tâm xưng niệm danh hiệu tức là Tu tuệ. Văn này tuy hạn hẹp mà ý ba tuệ hiển bày.

Bốn là xưng niệm danh hiệu: Xưng danh hiệu có hai: Một là sự, hai là lý. Nếu dùng tâm giữ niệm thì niệm niệm nối nhau tâm còn lại không gián đoạn, cho nên gọi là Sự nhất tâm. Hoặc có thể như trong kinh Thỉnh Quán Âm nói niệm gắn liền với đếm hơi thở - mười hơi thở không rời loạn gọi là nhất niệm, hoặc có thể vô lượng hơi thở không xen lẫn ý tưởng khác, tâm và ý tưởng tuy dài cũng gọi là một tâm. Tâm tâm quay về dựa vào cũng không có hai ý, cho nên gọi là Sự nhất tâm. Xưng danh: Hoặc có thể xưng niệm tắt như văn này hoặc xưng niệm rộng như văn dưới. Nam mô: Là Từ ngữ của qui mạng, đều là Sự nhất tâm xưng danh.

Lý nhất tâm: Thấu suốt tâm này tự - tha chung nhau không có nhân không thể đạt được, Vô tâm - vô niệm tương ứng với không tuệ, đây chính là vô nhất cũng vô tâm biết tướng âm thanh là không - tiếng gọi hưởng về không thật, năng xứng sở xứng đều không thể đạt được, đây gọi là vô xứng, đây là Lý nhất tâm xưng danh. Hai là Ứng: Trước là nói về ứng, kế là nói về giải thoát. Ứng có nhiều loại, Ứng của ba giáo - Ứng không nhất thời, Quán Âm bên Viên giáo nhất thời trọn vẹn ứng cơ các ách nạn khẩn cấp ứng ngay, nhất thời liền nghe liền xưng niệm là cơ mau chóng, vừa nghe liền ứng là ứng mau chóng. “Đều được giải thoát”. Là được ứng ban cho lợi ích. “Đều” là chẳng những hiển bày lợi ích cho nhiều cơ chúng, cũng là hiển bày đối với ứng của đầy đủ khắp nơi. Hoặc lúc là cơ mau chóng - ứng mau chóng bình đẳng lợi ích mau chóng thuận theo văn.

Hỏi: Chúng sanh trong mười pháp giới vô lượng - cơ đã vô lượng, vì sao trong một lúc làm cho được giải thoát?

Đáp: Ví như cha mẹ nhớ con tâm tư sâu nặng nhiều trí nhiều tài vật có đủ thế lực to lớn, các con đang gặp nạn liền có thể cùng cứu cho, Bồ-tát cũng giống như vậy, vô duyên từ bi sâu nặng - hai trí quyền thật sâu sắc, Thánh tài vô lượng - sức thần thông rộng lớn, mười pháp giới tuy nhiều mà ứng có dư dật. An Lạc Hạnh chép: “Đại lực nhẫn nhục - kho báu trí tuệ, dùng đại từ bi như pháp hóa độ thế gian”, chính là ý này. Lại như rồng độc tội báo còn có thể dùng một mắt mà nhìn khắp tất

cả, vật bị nó nhìn đều chết, huống chi chủng trí viên minh của Bồ-tát ư? Lại như đá nam châm, gương sáng, lại là đi vào sức Tam-muội Vương trong một lúc mười lần lợi ích cho tất cả. Nghĩa này có đủ trong Đại Bản Huyền Nghĩa. Hỏi: Nhất tâm xưng danh đều được giải thoát, nay thấy xưng niệm đọc to liên tục, như vậy mà không được chút ít hiệu quả nào vậy? Đáp: Kinh chép: “Nhất tâm xưng danh có sự nhất Lý nhất là hai lộ trình”, không áp dụng sao có thể cảm đến Thánh? Ví như đến nhìn mặt sau của gương đối trước hang bịt miệng không nói, sao có thể thấy hình, nghe tiếng vang vọng. Hai là tách biệt trả lời chia ba: Một. Miệng cơ cảm ứng. Hai. Ý cơ cảm ứng. Ba. Thân cơ cảm ứng. Nay nói miệng cơ chia làm hai: Đầu tiên nói về bảy nạn, kế là kết thúc miệng cơ. Có người chép: Thứ tự ba cơ ấy là miệng biểu hiện ở trước âm thanh thành tựu do ý - ý thức thành tựu thân. Bàn luận thông suốt thì miệng cơ cũng thoát khỏi ba loại khổ, nhưng đầu tiên dứt bỏ quả khổ, kế là trừ bỏ nhân khổ, kế đến là mãn nguyện mang lại niềm vui.

Hỏi: Trong đây nói về cứu trừ đau khổ sao bỗng nhiên ban cho niềm vui?

Đáp: Chút phần ban cho niềm vui là muốn dắt dẫn thâm nhiếp.

Hỏi: Vì sao không ban cho nhân của niềm vui đó?

Đáp: Nhân chẳng phải dắt dẫn thâm nhiếp cho nên không ban cho. Lại vẫn đó ở sau vì nói pháp là ban cho nhân của niềm vui.

Hỏi: Bi môn đã phần nào mang lại niềm vui, Từ môn cũng nên chút phần dứt trừ đau khổ?

Đáp: Bi trước đây hoàn toàn dứt trừ đau khổ đã xong, về sau chỉ ban cho niềm vui. Không có khổ đáng dứt trừ sao nói đến phần ít? Có người giải thích bảy nạn thành hai cặp và một cặp, lửa - nước vô thức làm một cặp, quỷ và khác chủng loại làm một cặp, vua chúa và trộm cướp cùng chủng loại làm một cặp, Quỷ chia ra khứ lai - Vương nói về khinh trọng cho nên thành ra bảy nạn. Lần lượt ấy là lửa nước vô thức làm nạn thì nặng, quỷ tuy có ý thức mà chẳng cùng loại là kế là, vua chúa và trộm cướp có ý thức mà chẳng cùng loại là kế là, vua chúa và trộm cướp có ý thức cùng chủng loại cho nên nhẹ nhàng. Nhưng quỷ - vương xen tạp lẫn nhau đầu tiên lấy quỷ so với vua, vua nhẹ thì quỷ nặng. Lại vua so với quỷ, vua nặng thì quỷ nhẹ. Hai điểm này tương tự cho nên nêu ra. Có Sư dùng gió làm thành tám nạn, có người chỉ trích điều đó, văn chép: “Xưng danh đều được giải thoát”, nạn La-sát không nói gió làm nạn. Nay nói về bậc Thánh phó cơ việc gì phải phân chia như tình ý này, thứ tự việc gì phải không thứ tự? Nay không giống như

trước ấy là bản này nói về phó cơ dứt khổ, đâu có thể lại dùng ban cho niềm vui mở ra điều đó. Nay nói như thứ tự ấy là trước tiên đi vào cõi nước thuận theo phong tục đi đến miệng cơ làm thứ nhất, ý kín đáo thân hiển bày cho là thứ hai. Nếu tìm ý kinh “v.v...Tức thời xem xét tiếng kêu kia, đều được giải thoát”, kinh không nói thứ tự quán cơ, sao có thể thực hiện thứ tự mà giải thích được? Nơi khác đã làm thứ tự bảy nạn, nay trở lại đối với thứ tự đó mà thôi. Đi vào lửa thì có lo lắng về họa cháy thân, mất mạng, rất là nặng nề cho nên ở đầu tiên. Nước trôi chìm xuống nổi lên kéo dài một ít lâu so với lửa, La-sát tuy hung bạo như kinh nói có năm trăm La-sát nữ, năm trăm người vợ phiêu bạt sinh con hưởng thụ niềm vui, thời tiết hãy còn lâu dài, sau đó liền ăn. Đây lại lâu hơn so với nước. Vua nạn chẳng phải lập tức giết, tra cứu tội lỗi hư, thật - thật thì trừng trị, hư thì tha cho, không giống như đối với quỷ nhất loạt gom lại để ăn, do đó lại kể là La-sát. Quỷ đến chọn người không đích thực đã phân biệt, người suy yếu mới gặp nạn - trốn thoát có thể tránh được, không giống như pháp vua nhất định phán quyết sống chết, vì vậy lại kể là vương nạn. Gông xiềng trói buộc thân không chắc mất mạng, nhưng có cái khổ giam cầm nghiêm ngặt, ít hơn đối với quỷ. Trộm cướp tìm kiếm vật quý chuyển đi vật quý thì hết. Nếu có thể lời lẽ nhún nhường hết sức khéo léo thì phương tiện tức là có thể gắng gượng thoát khỏi. Đây là thứ tự xưa nay mà thôi. Thậm chí như trộm cướp hung ác khẩn cấp phát ra đâu khác gì so với lửa thiêu đốt. Hỏi: Các nạn rất nhiều ý gì phân biệt bảy nạn vậy? Đáp: Đây có nơi biểu hiện người lấy sáu loại thành tựu thân, còn vì sáu loại tự làm hại. Như người cùng chung bảy nạn cùng cư trú lại lấy bảy làm nạn. Nay dùng rộng rãi bảy nạn coi như tóm lại biểu thị sáu loại. Lửa - nước - gió tức là biểu thị ba loại bên trong thân. Dao gậy gông xiềng biểu thị Địa chủng. Quỷ - trộm cướp - vua chúa cùng biểu thị Thức chủng. Ba ngàn đại thiên thế giới biểu thị không chủng. Vì sao Không có thể là nạn? Như thân người có nội Không, Thức vây quanh bốn đại chủng cư trú ở trong, đâu khác gì đại thiên thế giới vây bọc đất nước lửa gió, vua chúa - quỷ - trộm cướp cùng cư trú ở trong? Không là nạn ấy là không là lý do của nạn xảy đến. Như thân thể con người khỏe mạnh thì bệnh bên ngoài không xâm nhập, nếu thân yếu ớt thì thường tật bệnh ép ngặt sâu não. Lại như nhà của người không có tường vách, bọn trộm cắp sẽ vào có thể xảy ra nạn, cho nên Không cũng trở thành nạn. Thức chủng là nạn tâm thức vậy. Suy tính bộc phát ái kiến hủy diệt tuệ mạng pháp thân. Như vua chúa, quỷ trộm cướp cướp đoạt tài vật quý báu, đoạn dứt, tổn hại thọ mạng cho

nên Thức chủng là nạn. Vì lẽ vậy không phân biệt nhiều ấy chính là thuận theo biểu thị điều này. Giả như khiến cho đưa ra nhiều các nạn cũng là biểu thị một điều này. Nạn lửa chia làm bốn: Một. Trì danh tức là thiện làm cơ. Hai. Gặp khổ tức là ác làm cơ. Ba. Ứng. Bốn. Kết luận. Trên đây tổng quát nói chịu đựng các khổ não chưa phân định về tướng khổ. Nay tách biệt trả lời cho nên đưa ra nước - lửa v.v... Giải Thích Các nạn ví dụ chia ra ba ý: Một là dựa theo văn. Hai là nêu sự chứng minh. Ba là giải thích quán hành. Dựa theo văn: Trì ấy là miệng để tụng trì - tâm là nắm giữ, nắm giữ để lý không thể mất, tuy chẳng phải miệng trì mà các giác quan cũng có thể là miệng thực hành, cho nên thông thường thuộc về cơ miệng nghiệp. Nếu có - giả sử có - trở lại có đều là từ ngữ không chắc chắn trốn thoát. Còn lại đều là nạn phát khởi mới xưng danh. Trong đây trước trì danh mà gặp nạn, đây hoặc là trước sau cùng nêu ra mà thôi. Nay nói là nạn lửa bất ngờ tàn khốc cần phải sắp xếp trước để nhớ trì chắc chắn không có nạn này. Nếu có thể có điều ấy, đều là làm cho lia bỏ những gì giữ gìn, lia bỏ thiện thuận theo ác gọi đó là giả như (thiết). Như nhân duyên của từ đồng nữ, nếu có thể ý chí tu hiểu thuận thì không gặp vảnh lửa, làm trái lời mẹ cắt tóc chịu đựng cái khổ địa ngục. Đây là giữ gìn hiểu thuận thì không gặp vảnh lửa. Đây là giữ gìn hiểu thuận không có thể hoàn toàn đưa ra nhiều nhân duyên v. v... Người thực hành trì danh vốn không phải gặp nạn vì duyên sai khác nên bỗng nhiên quên. Giả như đi vào lửa lớn đau khổ có thể hành trì trước, liền được khỏi nạn. Nạn lửa đã nặng nề thì cơ cần phải sâu sắc, cho nên trước trì sau thoát ra, nghĩa đó có thể thấy. Sức oai thần là kết thúc nạn lửa. Kế là dẫn ra chứng cứ: Đời Tấn có Tạ Phu soạn truyện Quán Thế Âm Ứng Nghiệm, Tề Lục Quả lại soạn tiếp, truyện đó chép: “Trong niên hiệu Nguyên Khang nhà Tấn có Trúc Trường Thư ở Lạc Dương vì lửa lan ra đã đến, nhà tranh dưới gió đầu thể nào tránh khỏi, bèn nhất tâm xưng danh gió quay lại, lửa chuyển sang nơi khác mà tắt. Người trong làng thấy biết nông cạn nói là tự nhiên như thế. Nên nhận một ngày có gió, khô ráo, ném bó lửa đốt cháy nhà kia, ba lần ném vào ba lần đều tắt, liền rập đầu sám tạ. Pháp lực quay về Lô quận xây dựng tinh xá, ở trên khe núi xin được một xe vừng, giữa đồng trống gặp đám lửa, Pháp Lực mệt mỏi liền nằm nghỉ một chốc, vừa tỉnh dậy đã thấy lửa cháy ập đến, bèn cất tiếng xưng chữ Quán, chưa đến chữ Thế Âm mà ứng thanh lửa tắt. Còn Pháp trí gặp lửa ngoài đồng trống, đầu mặt làm lễ dốc lòng xưng danh hiệu, nơi khác đều đốt cháy mà chỗ Trí dung thân không tổn hại”. Còn Ngô Hưng Quận Sử ở đây đều ghi chép vào truyện

rõ ràng chẳng phải là kia nói để tin. Ba là dựa vào quán hành giải thích: Lửa có nhiều loại - có lửa quả báo - lửa nghiệp - lửa phiền não. Lửa quả báo đến Sơ thiên, lửa nghiệp ở khắp cả ba cõi, lửa phiền não ở khắp cả người ba thừa. Nạn lửa quả báo: Từ địa ngục có, lên đến Sơ thiên đều có nạn lửa quả báo. Như A-tỳ cách xa con tám muôn bốn ngàn trong ngoài thấu suốt trên dưới chen lẫn rất nóng. Tay chân ngạ quỷ bốc khói cử động thân thể cháy khô. Súc sanh nấu luộc nóng bức quay nướng hầm rang. Tu-la cũng có nạn lửa. Thiêu đốt trong loài người hiện tại nhìn thấy. Nếu đến lúc kiếp tận thì Tu-di cháy hết, cung điện chư thiên đều bị hủy hoại hết, từ Sơ thiên trở xuống không tránh khỏi nạn lửa. Tất cả mười lăm Hữu chúng sanh trăm ngàn muôn ức nghiệp ác khổ não, người trì danh hiệu Quán Thế Âm này thì lửa không thể thiêu đốt, đâu chỉ dừng lại giải thích ở người Diêm-phù-đề ư! Đây giải thích thẳng thắn quả báo mười lăm Hữu, so với giải thích trước về lửa thật đáng cười thay! Chín loại chúng sanh khác, giải thích kia chẳng hề đề cập đến.

Kế là nói về lửa nghiệp ác của A-tu-la: Tùy theo nơi chốn có bỏ ác tu thiện, hoặc năm giới mười thiện phần nhiều bị nạn nghiệp ác, vì vậy kinh chép: “Thiêu đốt các gốc lành không gì hơn sân hận”. Tuy sanh cõi Hữu Đảnh mà trên đầu lửa cháy, Thuật Sa-già-ba bị lửa đục thiêu đốt. Kinh Kim Quang Minh chép: Lửa lo buồn rừng rực nay đến thiêu đốt Ta, có thể phá tan nghiệp thiện lìa bỏ trên rớt xuống dưới, đều gọi là lửa”. Nếu có thể xưng danh hiệu được xa lìa nghiệp ác, cho nên kinh Thỉnh Quán Âm chép: “Người phá bỏ phạm hạnh làm mười nghiệp ác, trừ hết cấu bẩn khiến cho được thanh tịnh, nhờ sức uy thần của Bồ-tát này”.

Kế là nói về lửa phiền não: Nếu người Thanh-văn chán ghét sanh tử, xem nhân quả ba cõi giống như nhà lửa, kết nghiệp bốn đảo chỉ bốc lên khói nóng, trôi lăn sa đọa bị lửa thêu đốt, sanh tử lan tràn ngày đêm không ngừng, thường tìm cầu phương tiện tranh nhau xô đẩy ra khỏi nhà lửa, xưng Quán Thế Âm cơ trở thành cảm ứng, cưỡi trên xe dê mau chóng ra khỏi nhà lửa, nhập vào Niết-bàn Hữu Dư - Vô Dư, liền được giải thoát. Kế là nói về Bích Chi Phật. Kế là nói về thực hành Lục độ. Kế là nói về Thông giáo. Kế là nói về Biệt giáo. Kế là nói về Viên giáo. Kế là nói về người độn căn thuộc cõi Biến dịch. Kế là nói về người lợi căn thuộc cõi Biến dịch. Tất cả có chín loại người thực hành. Lúc tu đạo hoàn toàn bị sự thiêu đốt làm hại của lửa năm trụ phiền não hoặc, tất cả tu phương tiện, phương tiện chưa thành tựu mà nạn lửa

thường ép ngặt, xưng Quán Thế Âm thì phương tiện liền thành tựu chính là được giải thoát. Nhất nhất như vậy thích hợp nghĩa tinh tế thực hiện cơ cảm của pháp môn đó.

Hỏi: Bồ-tát an trú pháp môn nào mà có thể như vậy?

Đáp: Vô lượng pháp môn của Bồ-tát không ra ngoài hai quán Biệt - Viên, căn bản phát khởi từ bi cho nên thường đối với mười loại chúng sanh thù ứng nhiều loại. Vì sao như vậy? Bởi vì nguyên sơ Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, thấy lửa quả báo thiêu đốt các chúng sanh. Liền phát khởi từ bi thể sẽ độ thoát. Thọ trì cấm giới cũng khởi lên từ bi. Cứu nghiệp ác lửa. Tu vô lậu quán xương trắng đầy khắp phát ra Hỏa quang Tam-muội, trong tám thắng xứ có Hỏa thắng xứ, trong mười nhất thiết xứ có Hỏa nhất thiết xứ, đều khởi lên từ bi nên biết vì chúng sanh dập tắt lửa phiền não. Lại quán các lửa đều là pháp, do nhân duyên sanh thể đó tức là không. Lại từ lửa không mà quán lửa giả phân biệt nhân duyên. Lại quán lửa Trung - thấy thật tướng lửa. Như vậy lần lượt từng tiết một đều có từ bi thể đảm đương lợi ích chúng sanh. Nay an trú Bồ xứ có lực dụng vô tận, dùng lực bốn thế xông ướp các chúng sanh không hề lìa bỏ, tùy có cơ cảm liền có thể thù ứng. Nếu sự cố xảy ra xưng danh hiệu cầu cứu, tức là đối với từ bi trong quả khi xưa mà cứu trừ đau khổ mang lại niềm vui. Lửa nghiệp ác khởi lên liền sử dụng từ bi trong trì giới tu định, lửa phiền não khởi lên liền sử dụng từ bi của vô lậu đi vào Không - đi vào Giả - đi vào Trung, từng tiết một liên quan lẫn nhau. Nếu cơ chúng sanh tranh nhau phát khởi trong một lúc dẫn dắt đến cảm, từ bi ứng khắp nơi đều được giải thoát. Như trong Hoa Nghiêm quyển bốn mươi chép: “Thiện tài đến nước Tiến Cầu, thấy Bà-la-môn Phương Tiện mạng tu khổ hạnh cầu Nhất-thiết-trí, có núi đao lửa bốn phía lửa bao vây, từ trên núi đao tự nhảy vào lửa, nói với Thiện Tài: Người có thể vào đây là thực hành hạnh Bồ-tát. Thiện Tài sinh nghi nói là tà pháp. Phạm thiên nói Thiện Tài, đừng dấy lên niệm này, đây là người đại trí kim cương muốn cạn khô biển ái: Trời Tự Tại chép: Bồ-tát này năm hơi nóng quay nướng thân, khiến tà kiến Ngã diệt, xa lìa các ma Ngã tâm. Lại chép: Lúc Bồ-tát quay nướng thân, cung điện chúng ta giống như đồng mực tối đen, Ta liền phát tâm Bồ-đề, cho đến Tha Hóa trời Tự Tại ở trong phiền não được pháp môn tự tại, thậm chí rồng - quỷ - A-tỳ đều phát tâm Bồ-đề xả bỏ niệm ác vốn có. Thiện Tài nghe trong hư không nói rồi liền hối hận sai lầm, lên núi đao đi vào bưng lửa lớn, chưa đến liền được Tam-muội của Bồ-tát an trú, đi vào lửa được vắng lặng an vui Bồ-tát chiếu minh Tam-muội.” Núi lửa này ấy gọi là Vô tận pháp môn. Nếu

đi vào môn này có thể biết các pháp, do đó đưa ra pháp môn lửa trong kinh kia như vậy, chứng minh thành tựu pháp môn lửa của Quán Âm từ bi cứu khổ mười thứ lợi ích.

Kế là nói về Bồ-tát vốn tu Viên quán đã phát khởi từ bi: Chỉ quán sát một ngọn lửa có đủ mười pháp giới, tất cả các pháp đi vào môn chữ “lửa” đối với một môn lửa tuy không phân biệt, mà nhận biết rõ tất cả các loại lửa quả báo - lửa nghiệp - lửa phiền não, hiểu rõ ràng thông suốt, từ bi vô duyên che phủ tất cả mọi nơi, đây là môn lửa đi vào Vương Tam-muội. Nếu lửa pháp giới dấy lên thì Bồ-tát dùng bốn địa thế nguyện, rộng khắp tiếp ứng chúng sanh như đá nam châm hút sắt. Tuy không phân biệt mà phân biệt nói ra, lấy hai mươi lăm Tam-muội cứu lửa quả báo, dùng hai mươi bốn Tam-muội cứu lửa tu nhân, hai mươi lăm Tam-muội cứu tất cả lửa phiền não, nhập Không của các hạng Nhị thừa - Thông giáo - Lục độ - Biệt, Viên v.v... Trở lại sử dụng hai mươi lăm Tam-muội cứu lửa ra ngoài Giả của Biệt giáo. Còn dùng hai mươi lăm Tam-muội đầy đủ cứu lửa phiền não của người Viên giáo đi vào Trung. Tuy phải đi vào các loại lửa mà không bị các loại lửa thiêu đốt. Kinh Đại Tập chép: “Giống như hư không lúc nạn lửa phát khởi, chẳng thể thiêu đốt hư không, Bồ-tát cũng như vậy, dùng từ bi bất tư nghị, rộng khắp tiếp thu tất cả đều được giải thoát”. Thông thường giải thích về bảy nạn, chỉ giải thích cứu khổ trong loài người mà không giải thích khổ trong hai mươi bốn Hữu và khổ trong Biến dịch, nên chỉ đắc một phần ít Tam-muội Như huyễn, hoàn toàn mất đi công dụng rộng lớn của hai mươi bốn Tam-muội. Thứ hai nạn nước: Cũng chia làm ba ý: Một là nêu theo văn; Hai là dẫn chứng; Ba là giải thích quán. Thuận theo văn chia làm ba:

Một. Gặp nước là có khổ; Hai. xưng danh là thiện; Ba. Được chỗ nông cạn là ứng. Hỏi: Ý nói bị nước lớn cuốn trôi ư? Đáp: Nước ít không trở thành nạn hoặc chơi đùa cho nên xuống nước cũng không thành nạn. Muốn nói nạn này nên nói bị nước lớn cuốn trôi. Nạn lửa sợ dĩ chắc chắn không nói lửa lớn, vì lửa ít cũng có thể mất mạng, hoặc cố ý nhảy vào hoặc không cố ý nhảy vào; nhảy vào thì làm hại thân mạng. Đây là đưa ra nạn nặng nề, còn được cứu huống chi nạn nhẹ ư? Vì thế cho nên nói rằng nhảy vào lửa mà không nói nhảy xuống nước. Nói lửa lớn đó mà không nói đến nước lớn, nước nói về nông cạn tức là trở thành ứng, lửa hãy còn ít đang chưa trở thành ứng.

Hai là dẫn chứng: Truyện Ứng Nghiệm chép: “Hải Diêm cùng đi với bạn bị nước nhấn chìm, người này xưng Quán Âm, tình cờ bám

được một tảng đá, mệt mỏi quá như muốn ngủ, mộng thấy hai người chèo thuyền gọi vào, mở mắt quả nhiên thấy có thuyền và người đưa đi đến bờ, không thấy người và thuyền nữa, người này bèn xuất gia làm Sa-môn đại tinh tiến. Lại nữa, Lưu Trường tùy theo Phí Yêm, làm người chăn nuôi ở Quảng Châu, đi đến cung thuyền dừng lại vì gặp gió, mẹ Trường và hai con từng tiếng liên tục xưng danh Quán Thế Âm, bỗng nhiên thấy hai người đẩy thuyền liền được yên lành. Vợ Trường ở thuyền khác không vượt sông được. Ba người Đạo Linh nương theo băng vượt qua bến sông Mạnh, gần nửa đoạn đường một người trước rơi xuống một người kế là chìm ngấm, Linh tiến lùi trên băng chắc chắn chết, không còn nghi ngờ gì, bèn một lòng xưng niệm Quán Thế Âm, chân như vượt qua tám ván - đêm tối gặp được ánh sáng đỏ thắm tấp đến bờ”. Trường hợp này rất nhiều, đều được Thánh lực che chở.

Ba là dựa theo quán để giải thích: Nước quả báo đến Nhị thiên, nước nghiệp ác có ở cả ba cõi, nước phiền não có ở cả Đại thừa Tiểu thừa. Như địa ngục vạt nóng nước sôi phần giải biển mặn sông tro trôi nổi đắm chìm, trong đường ngạ quỷ cũng có lớp sông bít biển, súc sanh chìm ngập sóng đập gây ra tai hại, A-tu-la cũng có nạn nước, trong loài người có thể biết. Nạn nước đến Nhị thiên dâng tràn không bờ bến, lúc này nếu không xưng niệm danh hiệu còn không đến chỗ sông cạn, huống chi mãi mãi tránh được ư? Kế là là nước nghiệp ác: Các điều ác phá hoại thiện nghiệp ấy, đều gọi là sự hủy hoại của nhân duyên ái dục và sóng nước nghiệp ác. Trút vào trong ba đường ác quên mất chánh niệm như buông bỏ phao nổi, kiến, tư như La-sát, thoái thiện vào ác tức là nước trôi, đâu cần phải sóng to gió lớn? Nếu có thể nhất tâm xưng niệm danh hiệu liền được chỗ nông cạn. Kế là nói về nước phiền não: Kinh chép: Sông lớn phiền não có thể cuốn trôi động hương Tượng. Duyên-giác quán sát nước ái dục thêm lớn, rừng dày hai mươi lăm Hữu, nước dâng tràn ngập não loạn Ngã tâm, sóng to gió lớn, có sông xoáy ngược nhấn chìm chúng sanh, tối tăm mù mịt mà không thể vượt ra, bờ Niết-bàn kia làm sao bước lên được”. Cơ của người nhị thừa tu ba mươi bảy phẩm, vận động tay chân ngăn chặn bờ có sanh tử hiểm nguy, đường phía trước xa tít tắp nhất tâm xưng niệm danh hiệu, nếu phát kiến để Tam-muội đều gọi là chỗ cạn, vô học là bờ bên kia. Kế là Bích-chi-Phật lẩn át tập khí là chỗ cạn, Thông giáo chánh tập hết là bờ bên kia. Kế là Biệt giáo dứt trừ bốn trụ là chỗ cạn, dứt trừ vô minh là bờ bên kia. Kế là Viên giáo: Lục căn thanh tịnh là chỗ cạn nhập Đồng luân là bờ bên kia, trong Biến dịch thì dứt từng phần là chỗ cạn, cuối cùng vô minh

không còn mới gọi là bờ bên kia. Lại sơ quả tránh được kiến lưu, Tam quả tránh được Dục lưu, tứ quả tránh được Hữu lưu, cho đến Viên giáo mới tránh được vô minh lưu, Bồ-tát sở dĩ khắp nơi ứng cứu nạn nước, đều là vốn có tu từ bi hai quán Biệt - Viên, ngày nay thành tựu năng lực của Vương Tam-muội. Vì sao như vậy? Bởi vì lúc Bồ-tát tu biệt quán, thấy chúng sanh nổi trôi trong nước quả báo, khởi lên thệ nguyện cứu giúp. Lúc Bồ-tát tu giới - định, dùng thiện chữa trị ác, đối với nước các thiên định - nước quang Tam-muội - nước thắng xứ - nước nhất thiết xứ, đều khởi lên từ bi dùng thiện thay đổi ác. Lại từ nước Giả đi vào Không phát ra chân vô lậu, từ Không ra goài Giả đạt được nước nhân duyên, đi vào nước Trung đạo thấy nước thật tướng, từng tiết pháp môn đều khởi lên từ bi xông ướp các chúng sanh khiến cho thành tựu vương Tam-muội. Vắng lặng mà thường soi chiếu chúng sanh bị nổi trôi trong nước quả báo, xưng danh hiệu làm cơ phù hợp Sự, Từ bi cứu giúp quả báo, nước giới định từ bi cứu giúp nghiệp ác, ba quán từ bi cứu giúp phiền não, tất cả trong một lúc đều được giải thoát. Như Hoa Nghiêm quyển ba mươi tám chép: “Thiện Tài đến cõi nước Hải Môn, Tỳ-kheo Hải Vân nói cho kinh Phổ Nhãn rằng: Mười hai năm nay thường quán sát biển này dần dần càng sâu, oai nghi của thân lớn, châu báu chứa nhóm quán sát như vậy rồi thì thấy đáy biển mọc lên hoa sen lớn, vô lượng trời rồng - tám bộ trang nghiêm trên hoa, có Đức Phật tướng tốt vô biên, đứng trước duỗi tay phải xoa đỉnh đầu tôi, nói cho nghe kinh Phổ Nhãn một ngàn hai trăm năm, “Một ngày vốn được A-tăng-kỳ phẩm vô lượng vô biên. Nếu lấy nước biển làm mực - Tu-di nhóm hợp làm bút, viết chép kinh này không thể nào hết được”. Nên biết rằng pháp môn nước thấu nhiếp tất cả các pháp, cũng như Đại Phẩm môn chữ A đầy đủ tất cả các nghĩa, Quán Âm đối với pháp môn nước thông đạt đã lâu, cho nên có thể khắp nơi tiếp ứng tất cả nạn nước. Lại vốn có tu pháp môn viên quán, vô duyên từ bi khắp ứng tất cả là quán sát môn chữ “nước” mười pháp giới hướng về chữ, “nước” là hướng về không vượt qua, nước còn không thể đạt được, nói gì sẽ hướng về - không hướng về. Mười pháp giới hướng về nước là Tục đế, nước còn không thể đạt được tức là Chân đế, sao nói sẽ có hướng về, không hướng về, tức là cả hai chẳng phải mà hiển rõ Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Như vậy nghĩa của ba đế quán sát chữ “nước” trong mười pháp giới, tức là hướng về vô duyên từ bi khắp nơi xông ướp ba đế - chúng sanh trong mười pháp giới, cho nên có thể ứng trọn vẹn tất cả. Nếu phân biệt quán sát, dùng mười sáu Tam-muội cứu nước quả báo, dùng hai mươi bốn Tam-muội cứu nước nghiệp

ác, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu nạn nước đi vào không Hữu lưu của Nhị thừa - Thông - Biệt - Viên. Dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu Biệt giáo ra khỏi Giả, ở trong dòng Hữu khiến cho không vấy nhiễm dịch bệnh. Dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu nạn nước của dòng vô minh thuộc Viên giáo nhập Trung đạo. Tất cả ngay một lúc đều được giải thoát. Thứ ba là nạn La-sát cũng chia làm ba: Một là Thuận theo văn. Hai là Dẫn ra sự. Ba là Giải thích quán. Thuận theo văn lại chia làm hai: Một - Nói về nạn. Hai. Kết luận tên gọi. Trong nạn chia làm năm: Một. Đưa ra số. Hai. là nói về lý do gặp nạn. Ba. Gặp phải khổ đau. Bốn. Nói về cơ. năm Nói về ứng. Về nhân số chỉ nêu ra số chung trăm ngàn không phân định nhiều ít, rõ ràng đi vào biển tìm cầu vật quý kết bạn không chần chẫn, số tuy không nhất định nhưng số cuối cùng không thể một mình hưởng tới, vì vậy đưa ra trăm ngàn. Kinh Hiền Ngu chép: “Ruộng vườn sinh sản trăm lần - người buôn đánh giá ngàn lần - làm quan muôn lần, đi vào biển may mắn trở về được vô lượng lần”, do đó đi vào biển. Kế là gặp phải gió là lý do gặp nạn, dẫn ra văn dưới chứng minh. Nay nếu khai bày gió làm chánh nạn, văn dưới chép: “Đều giải thoát nạn do La-sát”. Đây há không phải là nạn La-sát hay sao? Nạn do chánh ứng không thuộc về nguyên do ấy, sao chỉ do gió, do gió rơi vào nạn do đi vào biển gặp phải gió. Cầu tìm vật quý đi vào biển bởi tham cầu trân bảo quý giá, xoay vần liên tục lẫn nhau bởi vì nạn gió cấp thiết, cho nên gió là lý do rơi vào nạn. Bảy thứ báu chính là ngọc ngà châu báu là vật quý gần cạnh. Còn châu báu như ý là tối thượng, nay nói Đẳng là các thứ báu loại cao loại thấp. Kinh Lô Thán chép: “Biển lớn có bảy thứ báu giống như vật báu, một trăm hai mươi loại châu báu thực sự”. Hắc Phong: Xưa nói gió không màu sắc thổi cát đen cho nên như vậy. Có người công kích điều này rằng: Trong cát không có thuyền - trong nước không có cát, chẳng phải là thổi cát đen mà chính là thổi mây đen mà thôi. Nay trở lại ví dụ nạn này, trong nước không có mây - trong mây không có thuyền, sao có thể công kích cát mà phân biệt mây? Gió có thể thổi mây đen vì sao không thể thổi được cát đen? Kinh Thỉnh Quán Âm chép: “Gió đen xuyên thủng ngọn sóng”. Nhân Vương Bát-nhã nói gió có sáu màu sắc: Đen, đỏ, xanh, trời, đất, lửa. Kinh Thọ Ấm nói về năm loại gió. A-hàm cũng chép: “Có gió đen - gió đen thêm nữa rất là khiếp sợ”. La-sát là quỷ ăn thịt người, xác người thổi rửa có thể niệm chú nuôi giữ làm cho tươi lại. Lại có quỷ ăn tinh khí, trong tim người có bảy giọt nước ngọt hòa hợp nuôi giữ tinh thần, quỷ ăn một giọt khiến cho người đau đầu, ba giọt thì buồn bực vô cùng, bảy giọt hết cả

thì chết. Một người xưng danh hiệu những người khác đều thoát nạn: Cùng chung thuyền buồn lo cảm thương ngưng lại hay tán loạn, tuy miệng không xưng gọi như nhau, mà tâm giúp nhau tìm kiếm phước cho nên đều được cứu giúp quả là đồng đều. Nếu sau đó gặp giặc cướp thì đồng thanh, tức là trên đất liền tâm phần nhiều không thể cùng quyết định, cần phải xưng gọi hiệu lệnh, khiến cho đều nhau khác với tai nạn trên nước, vì sao ngay ở đây kết thúc tên gọi của Quán Âm? Đây chính là dựa vào một người xưng danh hiệu mà dựa vào gồm đủ mọi người trong nhóm, rõ ràng Từ lực che phủ rộng khắp cứu hộ bình đẳng, biểu hiện tên gọi của Quán Âm. Hai là dẫn việc chứng minh - Truyện Ứng Nghiệm chép: “Hơn một trăm người nước ngoài từ nước Sư tử đi biển hưởng về Phù Nam, giữa đường, bỗng gặp gió mạnh lạc vào nước quý, chúng muốn ăn tất cả. Một nhóm người trên thuyền sợ hãi xưng niệm Quán Âm, trong đó có một Sa-môn Tiểu thừa không tin Quán Âm, không chịu xưng danh hiệu. Quỷ lôi vị Sa-môn này đi, vị Sa-môn quá khổ nên xưng niệm theo cũng được thoát nạn”.

Kế là quán giải thích: Không chỉ nói về gió trong thế giới, mà hắc nghiệp cũng gọi là gió. Kinh Hoa Nghiêm nói “Hiềm khích thù hận là gió mạnh thổi bùng lửa của tâm tội lỗi thường khiến cho bốc cháy rừng rực, thổi bùng các người đi buôn lạc vào đường ác, đánh mất căn nhà thiện của loài người và Thánh tài vô lậu”. Từ địa ngục lên đến Tam thiên đều có nạn gió của quả báo: Như Kinh Tăng Hộ nói về các loại hình tướng của địa ngục, gió to sóng mạnh nhấn chìm đến mức hủy hoại. Cái ăn của ngựa quý như trong đường quý gió lạnh cắt xương, nát thân. Loài súc sanh bay chạy, tổ sập, trứng đổ sao có thể nói hết được. Tu-la cũng có nạn gió xảy ra thì các núi va chạm vào nhau, trên đến Tam thiên các cung điện nát vụn thành cát bụi. Lúc đang như vậy ai là người có thể cứu giúp? Chỉ nên một lòng xưng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, dùng năng lực Vương Tam-muội, hoặc dùng tay che chắn hoặc dùng miệng hút, vô lượng phương tiện khiến cho được giải thoát. Kế là nói nếu tu các thiện ác, gió nghiệp thổi làm hủy hoại thuyền năm giới mười điều thiện, rơi vào nước ba đường quý và trong cảnh ái kiến. Đại Kinh chép: “Nữ La-sát hễ sinh ra đứa con nào thì đều ăn hết, ăn con đã hết lại ăn chồng họ, khẩn cấp cần phải xưng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, dùng lực từ bi có thể khiến cho giải thoát”. Kế là nói về người nhị thừa phân biệt vật báu Thánh tài. Vì gió phiền não thổi thuyền tuệ hành, thuyền tu hành rơi vào cảnh kiến ái, vì ái kiến nên bị La-sát làm hại. Nếu thường xưng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì được thoát khỏi

hai vòng kiến ái, mãi mãi được tránh khỏi hắc nghiệp của hai mươi lăm Hữu.

Kế là nói về Bích Chi Phật - lục độ hạnh - Thông - Biệt - Viên - Biến dịch v.v... Đi vào biển phiền não nhất vật báu Nhất-thiết-trí, gió dữ tám đảo đã thổi trôi dạt, thuyền các hành rơi vào nước quỷ nhị biên, dùng tâm chánh quán, thể đạt các pháp không sanh không diệt, đi vào trong thật tế, liền được giải thoát. Nghĩa quỷ hợp với chương trước sau cho nên không nói lại. Nạn gió trong pháp giới vô lượng cùng lúc ứng đầy đủ là đều do từ bi của Biệt - Viên xông ướp, Bồ-tát vốn có tu Biệt quán, thấy gió trong sự lập liền khởi lên từ bi tu giới định tuệ, thấy gió nghiệp ác liền khởi lên từ bi lúc tu ba quán, từng tiết từng tiết từ bi khiến cho đi vào trong gió thật tướng của Vương Tam-muội, dùng sự từ bi cứu gió quả báo, dùng định tuệ từ bi cứu gió nghiệp ác, Ba quán từ bi cứu gió phiền não, cho nên có thể dứt trừ mười thứ tai nạn. Nếu thực hiện Viên quán nói về cơ ứng thì chỉ quán môn chữ “Gió” đầy đủ soi chiếu mười pháp giới, ba đế rõ ràng thông suốt không ngăn ngại từ bi che phủ khắp nơi. Nếu phân biệt nói về vương Tam-muội thì, dùng mười bảy Tam-muội cứu gió quả báo, dùng hai mươi bốn Tam-muội cứu gió tu nhân, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu gió phiền não từ Giả đi vào Không của Nhị thừa - Thông - Biệt - Viên, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu gió vô tri ra khỏi Giả của Biệt giáo, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu gió vô minh đi vào Trung của Viên giáo. Biến dịch có thể hiểu. Như vậy cứu khắp cả pháp giới, tất cả cùng lúc đều được giải thoát.

Thứ tư nói về nạn dao gậy cũng chia làm ba: Một là Thuận theo văn. Hai. Dẫn chứng. Ba. Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm ba: Một. Gặp phải nạn tức là khổ. Hai. Xưng danh hiệu tức là thiện, Ba. Ứng.

Nay nói đao gậy gãy từng khúc ấy là nói người cầm dụng cụ giết hại, một gãy một đến tùy theo đến tùy theo mất, càng hiển bày uy lực to lớn.

Hỏi: Nước - lửa sao không làm cho diệt bớt vậy?

Đáp: Dao gậy gãy tiếp tục đến lại nói về Thánh lực, nước - lửa sau khi diệt ai lại mang đến. Đã không mang đến thì diệt hiển bày chỗ nào? Nay chỉ khiến cho dứt bật nóng bức không thiêu đốt, dòng nước lớn càng thêm nông cạn, còn nói lên uy lực rộng lớn đều có ý đó, không thể nào một ví dụ làm nạn. Hai dẫn ra sự việc chứng minh. Truyện Ứng Nghiệm chép: “Trong thời Tần Thái Nguyên ở Bành Thành có một

người bị vu oan là cướp, vốn cúng dường tượng vàng đeo trong búi tóc, sau cúi đầu dưới pháp đao chỉ nghe tiếng vàng, đao ba lần gãy mà đầu vẫn vậy. Cởi ra thấy tượng có ba vết đao, do dây được tha. Lại nữa, nước Thục có một người dùng hộp chiên đàn đựng tượng đặt trong búi tóc, gặp Diêu Trường đánh đất Thục. Người này và Diêu Trường gặp nhau, Diêu Trường dùng tay chặt người đó nghe ở cổ có âm thanh, lùi lại sau xem tượng quả nhiên thấy có vết, người đó cảm thấy đau buồn, lẽ nào tổn hại thân mình biến thành làm hại uy dung của bậc Thánh, nên sau càng thêm tinh tiến, Thời Tấn Thái Nguyên có Cao Câu Sách người Dương Kinh, phạm pháp sắp bị hành hình nên một lòng qui mạng, xiềng xích kẹp chặt không thấy nơi nào, hạ đao thì đao gãy, treo cổ thì dây đứt từng khúc, liền bán vợ con và tự mình xây dựng năm tầng tháp ở huyện Kinh.

Thời Tống Thái Thỉ lúc đầu chiến tranh hỗn loạn khắp bốn phương, Thẩm Văn Tú chăn nuôi ở Thanh Châu, nói cho người địa phương biết về sự công kích của Tăng Tuấn. Tú đem cây đường lê chúc mừng lời kéo vợ Tư Mã Thị v.v...” Ba là giải thích quán: Chẳng những dụng cụ giết hại của thế gian gọi là dao gậy, nghiệp ác cũng có thể làm tổn hại nghiệp thiện thân mạng. Những phiền não như sáu trần - ba độc đều gọi là đao tên. Từ địa ngục trở đi thì có núi dao móc xương cây kiếm làm hại thân thể, cửa tách ra mổ xẻ thái nhỏ bữa bãi khổ sở. Ngạ quỷ lại chém chặt nhau làm thương tổn lẫn nhau. Súc sanh tự nhiên có trống mái ngà sừng tự va chạm xung đột nhau, còn bị cắt gãy bóc lột. Tu-la ngày đêm đánh nhau. Vua rồng làm mưa rơi biến thành lưỡi dao. Trong loài người trước đi trên dao sắc bén nhưng lại sợ hãi nạn chém giết, lại có chết đột ngột ngoài biên ải, lại có ngậm dao nơi chợ búa phía Đông. Lúc trời đánh nhau với Tu-la năm tình thất thủ, đều có nỗi khổ của dao gậy lo sợ mất mạng. Nếu có thể xưng niệm Quán Thế Âm, hoặc cảm ứng hình phạt do đao sẽ bị gãy từng đoạn, hoặc cảm ứng sức lực cân bằng đứng giữa trận chiến khiến cho được yên hòa.

Kế là nói về tu các nhân thiện, vì đao tên ba độc nghiệp ác phá hoại tâm thiện, cắt đứt da Giới - thịt Định - xương Tuệ, tâm tủy vi diệu định tuệ pháp thân, thoái mất rơi rụng mất đường trời - người. Cho đến chánh mạng khó bước lên mà dễ nhào xuống, muôn kiếp không trở lại khởi lên tâm sợ hãi, xưng niệm Quán Thế Âm được cứu hộ, ba độc Không làm tổn hại rõ ràng lên cao thọ hưởng vui sướng, chính là năng lực của Bồ-tát. Kế là trình bày người hàng Thanh-văn chán ngán tai họa sinh tử liền quán sát kiến tư trong ba cõi dữ dội hơn đao tên. Vì vậy Đại

Kinh chép: “Thà suốt đời thân cận hàng Chiên-đà-la, chứ không nên tạm thời gần gũi năm ấm ái giả dối thân thiện, sáu giác rút đao hướng về đường chánh như là xua đuổi oán hận”. Đại Luận chép: “Giống như lâm trận giữa đao sắc, giác kết sử chưa dứt não hại chưa trừ, như ở chung phòng với rắn độc, như người bị trói đem đi giết, lúc này làm sao yên lòng ngủ được”. Ngũ Khổ Chương Cú chép: “Mười hai lớp như thành trì - ba lớp như giậu gai - năm người rút đao giữ cổng, lúc này suy nghĩ sợ hãi như vậy nhờ đâu thoát được? Ngay nơi đường chánh, cần phải dốc lòng xưng niệm Quán Thế Âm, ba nghiệp rất đỗi chu đáo thì cơ thành tựu cảm thông suốt, có thể xé toạc tấm phiêu sanh tử vượt qua dòng sông ân ái, không bị dao gậy phiền não làm hại, chúA-dục vua ma vì sao không như thế?” Kế là nói về Bích Chi Phật, tiếp tục nói về lục độ hành, tiếp tục nói về Thông - Biệt - Viên - Biến dịch v.v... Đao tên năm trụ làm hại pháp thân tổn thương Tuệ mạng, nếu có thể xưng danh hiệu thì được Thánh cảm ứng khuyên nhủ xa lìa dao gậy Thông - Biệt thoát khỏi đất của hai tử, há chẳng phải từ lực của Pháp thân ư? Lại tiếp tục nói về cơ - ứng dao gậy khắp cả pháp giới. Bởi vì từ lúc đầu tu quán Biệt - Viên, thấy các dao nhọn tổn thương hủy hoại, liền khởi lên từ bi mình nên cứu hộ. Lúc tu thiện ngăn ác, đối với nghiệp thiện ác lại khởi lên từ bi. Nếu quán sát dao gậy là nhân duyên sanh ra pháp thì lúc tu ba quán, lại khởi lên từ bi lấp đầy hạnh nguyện. Nay an trú trong Vương Tam-muội, vô lượng thần lực dùng bốn sự từ bi hướng về dao gậy quả báo, tu thiện từ bi cứu giúp dao gậy nghiệp ác, ba quán từ bi cứu giúp dao gậy phiền não. Dao gậy là chất ngại thuộc về môn chữ Địa thâu nhiếp, Bồ-tát đối với môn Địa chất ngại hiểu rõ ràng thông suốt như Hoa Nghiêm bốn mươi trình bày: “Đồng nữ Di Đà-la ở trong cung Sư Tử Tràng Vương thuộc thành Sư Tử Phấn Tấn, nơi pháp đường Bảo Tạng trong sáng, trang hoàng pháp đường này không thể nghĩ bàn được, mỗi mỗi trụ lưu ly tường kim cương gương ma-ni, trong các thứ báu - các chuông linh - các cây cối - các hình tượng - các chuỗi anh lạc, ở trong tất cả chất ngại vốn có này, nhìn thấy hết tất cả Như-lai từ sơ phát tâm thực hành Bồ-tát đạo, cho đến thành tựu Đẳng Chánh Giác mà nhập diệt, điều hiển rõ ở trong không có gì không rõ ràng, như ở trong nước trong sạch thấy hình bóng mặt trăng. Pháp môn này gọi là Bát-nhã Phổ Trang Nghiêm pháp môn. Lúc Thiện Tài đi vào Địa pháp môn này, có thể đạt được bất khả nói Đà-la-ni - đại từ đại bi Đà-la-ni môn, có thể làm Phật sự Đà-la-ni, tất cả các pháp không có pháp nào không đầy đủ”. Nên biết rằng môn chữ Địa ứng khắp tất cả khiến cho

được giải thoát. Lại nữa, pháp quán Địa đại chất ngại của Viên quán, thâm nhiếp tất cả mười pháp giới ba đế rõ ràng, hiểu rõ ở trong Địa môn, khởi lên đầy đủ từ bi khắp cả pháp giới, vắng lặng mà thường soi chiếu không có cơ nào không ứng. Nếu muốn phân biệt nói điều đó khiến cho dễ hiểu, sử dụng mười Tam-muội cứu giúp dao gậy quả báo, sử dụng hai mươi bốn Tam-muội cứu giúp dao gậy ba độc, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu giúp dao gậy phiền não đi vào không, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu giúp dao gậy vô tri ra ngoài Giả, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu giúp dao gậy vô minh đi vào Trung, tất cả ngay một lúc đều được giải thoát.

Thứ năm nạn quỷ cũng chia làm ba: Một. Thuận theo văn. Hai. Dẫn chứng. Ba. Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm bốn: Một. Nêu xứ sở; Hai. Nói về gặp nạn tức là khổ; Ba. Xưng danh tức là thiện; Bốn. Ứng. Nói “Đây trong cõi tam thiên đại thiên là từ ngữ giả thiết. Nếu nói đều hơn nữa, lại từ nơi nào đến? Biết là giả dụ nói như vậy. Nước lửa trên đây sao không giả thiết đầy cả đại thiên vậy? Quỷ có tâm thức kéo dài lẫn nhau cho nên giả thiết nói đây cả tam thiên đại thiên là thuận tiện, nước lửa vô tâm giả thiết đây là khó. Vì lẽ đó quỷ sợ Quán Âm có uy có ân, nếu không phải mong ân thì là sợ uy, cho nên nghe danh hiệu còn không thể tăng thêm đối với mắt ác, há dễ cho dấy lên tâm làm hại hay sao? Tâm làm hại - Mắt xấu ác cả hai đều ngưng lại. Kế là dựa vào sự chứng minh điều đó. Tiếp đến giải thích quán: Nếu quả báo nói về nạn quỷ ấy thì đường địa ngục cũng phải có đại lực quỷ tặc ác nào loạn các tội nhân. Hạng đại lực trong đường quỷ nào loạn đối với tiểu quỷ, quỷ trong đường súc sanh cũng ăn súc sanh. Trong loài người có thể biết, chư Thiên đã dẫn đầu quỷ sao để cho bị quỷ làm nào loạn? Như trong A-hàm chép: Có Đại lực quỷ không để ý ngồi nơi giường của Đế Thích, Đế Thích rất giận nên ánh sáng của quỷ chuyển sang mạnh mẽ, Đế Thích lui lại phát khởi từ tâm thì ánh sáng của quỷ tắt liền mất đi” Thiên chủ đã bị quỷ làm nào loạn, huống chi tứ Vương trong đường Tu-la ư? Những nơi như vậy sợ hãi nạn quỷ xưng niệm Quán Thế Âm, thì không thể tiến hành làm hại được. Kế là nói về tu nhân: Tự có nghiệp ác gọi là quỷ, tự có quỷ khuấy động ba độc, như A-hàm chép: Dâm cũng có quỷ - quỷ đi vào tâm người thì khiến cho người dâm quá mức bình thường”. Hoặc quỷ khiến cho sân - khiến cho tà vạy. Nên biết quỷ cũng phá bỏ điều thiện. Đương thể ba độc là quỷ: Dâm phá hoại phạm hạnh, sân phá bỏ từ bi, quỷ tham nào loạn giới không trộm cắp, quỷ thêm rượu đến nào loạn giới không uống rượu cho

đến thập thiện - các thiện cũng như vậy, đều bị quỷ ác nhiễm làm tổn hại. Nghiệp của trời người con lay động hay không lay động nếu thường xưng danh hiệu thì không thể tiến hành làm hại được. Kế là nói về quỷ phiền não. Kiến tâm là quỷ nam, ái tâm là quỷ nữ. Nếu nói về quỷ này thì có thể đầy cả tam thiên đại thiên thế giới. Chẳng phải tiếp tục nói về giả thiết, tại vì sao? Bởi vì kiến sử trải qua ba cõi có tám mươi tám sử, ái sử trải qua ba cõi hợp lại có chín mươi tám sử, há không tràn đầy khắp nơi hay sao? Quỷ này muốn đến nào hại người ba thừa cho đến người thực hành lục độ - Thông - Biệt - Viên v.v... Đại Kinh chép: “Chỉ nguyện Thế Tôn, bậc thầy lương thiện chú nguyện làm cho chúng con trừ bỏ quỷ vô minh”. Lại chép: La-sát ngu si dừng lại ở trong đó há chẳng phải là quỷ phiền não hay sao? Nếu xưng danh tụng niệm quán trí thành tựu, có thể khiến cho trần lao kiến ái tùy ý chuyển biến không thể nào làm hại được. Kế là nói về Biệt - Viên vốn có quán từ bi cơ ứng: Biệt quán Bồ-tát lúc mới phát tâm, thấy các ác quỷ nào loạn thế gian không có khả năng cứu giúp trừ diệt như hạng Ngật Noa Ca La ão hại Tỳ-xá-ly, vì thế Bồ-tát khởi dậy từ bi để thực hiện ủng hộ nếu tu các điều thiện bị điều ác làm hỏng cũng khởi dậy từ bi khiến cho điều thiện được thành tựu. Nếu quán sát quỷ này cho đến quỷ nghiệp đều là nhân duyên sanh ra pháp từ Giả đi vào Không - ra khỏi Giả đi vào Trung, mỗi mỗi đều từ bi thệ nguyện, đối với các phiền não thấu suốt sâu sắc thật tướng thành tựu Vương Tam-muội, dùng bốn thệ nguyện huân tu pháp thân chúng sanh. Nếu gặp phải nạn quỷ có thể cứu hộ tất cả pháp giới, dùng sự từ bi cứu quỷ quả báo, dùng tu thiện từ bi cứu quỷ nghiệp ác dùng ba quán từ bi cứu các quỷ ác kiến vô minh v.v... tất cả làm cho các quỷ tùy ý ngoan ngoãn theo hầu, không thể trở thành mắt ác nhìn ngó. Như Hoa Nghiêm bốn mươi ba chép: “Thành Ca-tỳ-la Bà, Bà Sa Bà Đà Dạ Thiên, bởi sau khi mặt trời lặn thấy khắp nơi trống không, thấy trên thân đó có tất cả tinh tú hiện rõ trong một lỗ chân lông, thấy chúng sanh đã cảm hóa, hoặc sanh lên cõi trời hoặc được làm nhị thừa, hoặc tu Bồ-tát hạnh nhiều loại phương tiện, phải đều thấy nghe. Lúc bấy giờ Dạ Thiên bày tỏ với Thiện Tài: Tôi hướng về chúng sanh ác phát tâm Đại Từ, với chúng sanh bất thiện phát tâm Đại bi, đối với Thanh-văn Duyên-giác phát tâm an lập Nhất-thiết-trí đạo. Tôi thấy chúng sanh xa lìa đường chánh hưởng về nơi nẻo tà, dính mắc các điên đảo hư vọng mê hoặc chịu đựng nhiều khổ não. Tôi thấy như vậy rồi dùng vô lượng phương tiện trừ bỏ tà hoặc đó yên tâm lập nên chánh kiến, cho nên biết pháp thân Bồ-tát dùng thân quỷ Dạ xoa, thường thực hiện như vậy

để an lập chúng sanh, Bồ-tát Quán Âm đối với pháp môn thần này, há không thông suốt, cảm ứng rộng rãi tất cả khiến cho được vô hại. Nếu Viên quán Thức chủng là ái kiến quỷ môn, tất cả pháp hương về pháp môn quỷ nơi Thức chủng này, thì mười pháp giới ba đế đầy đủ vô duyên từ bi, che phủ rộng khắp tất cả tức là Quỷ môn, Lực Vương Tam-muội thích ứng khắp cả pháp giới. Nếu phân biệt nói về điều ấy thì dùng mười Tam-muội cứu giúp quỷ Sự, dùng hai mươi bốn Tam-muội cứu giúp quỷ nghiệp ác, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu giúp quỷ đi vào không của ba thừa - Thông - Biệt - Viên, cho đến đi vào Trung đạo, tất cả một lúc đều không thể tiến hành làm hại.

Thứ sáu nạn công xiềng cũng chia làm ba: Một. Thuận theo văn. Hai. Dẫn chứng. Ba. Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm bốn: Một. Nêu lên có tội và vô tội. Hai. Gặp nạn. Ba. Xưng danh. Bốn. Cảm ứng. Phỏng theo trên cho rằng bị làm hại đây chắc chắn đi vào phần chết. Chỗ này trình bày về có tội hay vô tội, hoặc là mở rộng kiểm tra chưa xác định, hoặc có thể phân định đi vào hạng đồng phạm. Nếu phân định hay chưa phân định đều bị giam cầm nghiêm ngặt, thì tức nói về tâm bình đẳng của bậc Thánh chủ yếu cứu giúp kẻ tù tội đó, không luận đến có tội hay vô tội. Ở tay gọi là con gáiu (cái còng tay) - ở chân gọi là Giới (cái cùm chân), ở cổ gọi là Già (cái gông cổ), ở thân gọi là tỏa (xiềng xích). Đây tức là tên gọi của ba loại bằng gỗ một loại bằng sắt. Gắn liền tên gọi gắn liền ngăn trở - trói buộc là bao phủ trói buộc thì chắc chắn bị giam giữ, giam giữ mà có trói buộc thì lo buồn sợ hãi cũng sâu sắc, chim chết kêu tiếng đau thương - người chết nói sự hay. Nếu có thể xưng niệm Quán Thế Âm, cửa ải nặng nề sẽ mở ra - các loại sắt gỗ đứt gãy hư hại. Kế là dẫn ra sự việc chứng minh - Truyện Ứng Nghiệm chép: “Cái Hộ người vùng Sơn Dương, giam vào ngục phải chết, ba ngày ba đêm tâm không gián đoạn ngưng xưng danh hiệu mắt nhìn thấy Bồ-tát Quán Âm phát ra ánh sáng chiếu soi, xiềng xích cởi ra cửa ngục thông suốt tìm ánh sáng mà đi, đi được hai mươi dặm ánh sáng mới dừng. Trương Sướng vì trách móc Vương Trưởng Sử, Vương và Sướng giam giữ Đình Úy tụng kinh một ngàn biến, xiềng xích đứt từng đoạn ít ngày thì loại trừ. Hư Thừa tướng v.v... Ba là Quán giải thích: Thế địa ngục là nhà tù, quỷ và súc sanh cũng có rọ lồng giam giữ, Tu-la cũng bị năm thứ trói buộc. Bắc phương và trên cõi trời tự tại nên không có nạn này, rơi xuống là đã trở lại không tránh khỏi tai ách bị giam cầm. Nếu có thể xưng danh hiệu đều được đứt gãy hư hoại. Kế là nói về tu nhân nghiệp ác tức gọi là công xiềng. Nghiệp ác tuy có năng

lực nhưng không thể theo đuổi người không tạo tác. Nếu có tạo nghiệp thì quả cuối cùng không thể mất đi. Cho nên nói pháp không mất như bản ký kết. Nếu người tu tập các điều thiện bị nghiệp ác che phủ, như núi lớn soi bóng che phủ nơi tâm, khiến cho điều thiện bại hoại gia tăng nghiệp ác, nghiệp ác tức là dẫn đến quả trói buộc không có cách nào có thể giải trừ. Nếu muốn thoát khỏi nghiệp này thì nhờ thời gian có thể cứu giúp, khẩn cấp xưng niệm Quán Âm có thể khiến cho ba nghiệp ác hư hoại. Vì vậy kinh chép: “Vợ con lấy làm xiềng xích cùm kẹp, tiền tài lấy làm lao ngục, vương pháp lấy làm lang sói, che đậy ngăn trở người thực hành không được tu đạo, đối với hiện tại là quả báo trói buộc, ở quá khứ là nghiệp. Kế là nói về hàng Thanh-văn: Phạm phu và ba quả đều là có tội, La-hán là vô tội. Đại Phẩm chép: Ma-ha Na Già tuy có tội vô tội nhưng cùng ở trong ngục ba cõi, sợi dây năm ấm trói buộc ba tướng vô thường kiểm tra đóng chặt đóng dấu niêm phong. Mê hoặc trên quyền thật gọi là cái còng (Nữ), mê hoặc trên đỉnh tuệ gọi là cái cùm (Giới), mê hoặc trên Trung đạo gọi là cái gông (Già), mê hoặc trên Pháp thân gọi là xiềng xích, (Tỏa). Những loại như vậy trói buộc người thực hành không thể nào thoát ra được, xưng danh hiệu gắn liền với ý niệm chắc chắn được linh ứng. Nếu phát khởi định tuệ là cùm chân trừ bỏ, nếu phát ra quyền thật thì còng tay trừ bỏ, nếu phá trừ vô minh thì gông cổ trừ diệt, pháp thân hiển bày rõ ra thì xiềng xích đứt đoạn, đi vào vô dư Niết-bàn thì hệ lụy trừ bỏ, tránh khỏi ba tướng thì lia xa tra xét, vượt ra ba cõi là ra ngoài tù ngục. Chỗ này lại có ý Thông - Biệt. Kế là nói về Bích Chi Phật - Lục độ hành - Thông - Biệt - Viên. Nếu nói về gông xiềng giống như Địa là chất ngại, Biệt - Viên vốn có quán đã khởi lên từ bi nghĩa cảm ứng khắp nơi không khác đối với trước, như ba ngàn đại thiên dùng biểu thị cho Không chủng, vua giặc quỷ v.v... dùng biểu thị cho Thức chủng. Luận về mười loại đó thì Phổ ứng ở đây cũng như trước nói về bốn quán. Nay quán sẽ nói về Bồ-tát thấy chúng sanh dùng Không - Thức thành tựu thân quả báo, trở lại bị Không - Thức làm não hại, lúc tu các điều thiện thì nghiệp của Không - Thức cũng có thể làm hỏng điều thiện. Quán sát Không - Thức có chương ngại của ba đế. Từng tiết từng tiết như vậy đều khởi lên từ bi. Bi là muốn dứt trừ nỗi khổ cho chúng sanh, Từ là muốn mang lại niềm vui cho chúng sanh. Vì thế. Tịnh Danh chép: “Bồ-tát quán sát bốn đại chủng - Không chủng - Thức chủng cho nên nguyện đều không không, không có bốn đại - không có Không - không có Thức, đây là đi vào Bất nhị pháp môn. Hoặc là Vương Tam-muội có thể tùy ứng khắp cả mười pháp giới, dùng

Sự từ bi cứu nạn báo Không - Thức, dùng tu thiện từ bi cứu nạn nghiệp ác Không - Thức, dùng ba quán từ bi cứu nạn phiền não Không - Thức, cho nên biết Quán Âm đối với pháp môn Không - Thức mà được tự tại”. Hoa Nghiêm ba mươi chín chép: Thiện Trú Tỳ-kheo ở giữa hư không thực hiện Phật sự to lớn, “Nếu thực hiện Viên quán, quán không chủng nhân duyên tánh tướng bốn mặt rốt ráo v.v... thì tất cả mười pháp giới đều khởi lên Không môn, Thức cũng như vậy, khởi lên vô duyên từ bi xông ướp các chúng sanh, mười pháp giới có cơ liền có thể tất cả cùng lúc mà được giải thoát.

Thứ bảy nạn cướp bóc cũng chia làm ba: Một là Thuận theo văn, Hai. Dẫn chứng. Ba là Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm bốn: Một là Nêu lên nơi chốn hoạn nạn. Hai là Nêu lên người gặp nạn. Ba là Trình bày có cơ. Bốn. Nói về ứng. Nơi chốn hoạn nạn ấy là trước tiên nói về nơi chốn, tức là cõi nước đại thiên. Kế là nói về nạn tức là cướp bóc đầy cả tam thiên đại thiên là từ ngữ giả thiết. Đất nước rộng rãi giặc cướp nhiều Thánh lực đến có thể cứu giúp hiển bày công năng. Oán là nạn này sâu nặng. Giặc cướp vốn cầu tìm tài sản - oán hận vốn làm mất mạng. Nay oán hận làm gặc cướp chặc chắn tài và mạng cả hai đều có kế hoạch. Nếu quá khư chảy máu gọi là oán hận, hiện tại cướp đoạt tài sản gọi là giặc cướp. Cướp bóc như thế đầy khắp đầy cả đại thiên hãy còn có thể bảo vệ, người nhẹ nhàng không thể cứu giúp được sao? Hai là nêu người gặp nạn, tức là chủ buôn. Văn này chia làm bốn: Một. Trình bày người chủ. Hai. Có người cùng nhóm. Ba. Mang vật quý. Bốn. Trải qua nguy hiểm. Thương là dạy bảo lưỡng tính. Người này lựa chọn nhận biết đất rẻ dễ dàng hiểu rõ tài lợi thương lượng được thích hợp, có thể làm người chủ chốt của người buôn. Đã có chủ buôn thì có đem theo đồ dùng, vì các người buôn đã trải qua nguy hiểm cách xa, tất nhiên là hàng hóa khó đạt được, cho nên nói vật quý báu. Đường nguy hiểm ấy hoặc có thể rộng vắng vẻ cực kỳ, gọi là đường nguy hiểm. Hoặc gặp nơi cướp bóc xông ra, gọi là đường nguy hiểm vật. Cơ ấy cũng có bốn: Trước tiên trình bày một người an ủi. Hai. Khuyến khích xưng danh hiệu. Ba. Khen ngợi đức độ. Bốn. Mọi người cùng xưng niệm. Sở dĩ an ủi ấy là ngăn lại sự sợ hãi đó. Sở dĩ khuyến khích xưng danh hiệu ấy là tìm kế sách cao hơn. Sở dĩ khen ngợi đức độ ấy là khiến cho ổn định can đảm. Nếu không an ủi thì sợ hãi hoang mang, tuy an ủi ngăn lại sợ hãi, nếu không tìm kế sách thì an ủi trống không có ích gì! Cho nên khuyến khích xưng danh hiệu. Tuy khuyến khích xưng danh hiệu, nếu không khen ngợi tìm kế sách, thì tâm không thể ổn định can đảm cũng không

mạnh mẽ, vì lẽ đó khen ngợi đức độ, cho nên biết Bồ-tát này quyết định có thể giúp cho không sợ hãi. Nhất định quả dựa vào ba nghĩa đã đầy đủ, cùng lúc xưng niệm xưng lên cơ thành tựu được cảm ứng liền được giải thoát. Nam mô nói là qui mạng, cũng gọi là cứu ngã, kế là kết thúc miệng cơ vậy. Nay nói Quán Âm thế lực đã to lớn mà sự gia hộ cũng rộng rãi, há chỉ có bảy nạn mà thôi hay sao? Nên biết rằng khắp cả pháp giới đều có thể cứu hộ được, cho nên nói cao to sừng sững (nguy nguy). Nguy nguy là từ ngữ tiếp tục trình bày sự cao lớn chông chất. Trình bày lực của Quán Âm vượt ra ngoài phần đoạn sừng sững ứng với hai cõi nước, cho nên nói là nói lại. Vì nghĩa này cho nên nói nguy nguy như thế. Hai là dẫn sự việc chứng minh. Truyện Ứng Nghiệm chép: “Tuệ Đạt vào niên hiệu Long An năm thứ hai đời Tấn, đào cam thảo trên bắc Lũng, lúc rợ Khương đói bắt người để ăn thịt. Đạt bị rợ Khương bắt được nhốt ở trong hàng rào, chọn người béo mập ăn trước, Đạt liền nhất tâm xưng danh tụng kinh. Ăn người khác gần hết, chỉ riêng Đạt và một cháu nhỏ vào ngày mai sẽ bị ăn thịt. Đạt suốt đêm tụng kinh, vẫn mong một cảm ứng, gần sáng rợ Khương đến dẫn đi, bỗng nhiên thấy một con hổ từ lùm cây hiện ra gầm thét. Những rợ Khương chạy túa tán, con hổ do đó gặm hàng rào thành một lỗ hổng thoát đi, Đạt đem cháu nhỏ trốn được thoát nạn. Lại, Bùi An đi đến làm tù binh trở về, phía Nam đến bên sông không thể vượt qua được, nhìn thấy kỵ binh truy tìm ở phía sau chết đến trong khoảnh khắc, bèn xưng niệm Quán Thế Âm, thấy một con sói trắng thông thả đi đến hiện ra ôm lại, ném một cái thì vượt qua bờ Nam, liền mất chỗ của con sói. Kỵ binh cùng nhau truy đuổi ở bờ bắc nhìn thấy than tiếc vô cùng. Đạo Minh ở Vũ Nguyên cướp thuyền, Đạo Nhân thẳng thẳng gặp phải nạn giặc cướp v.v...” Ba là Quán giải thích: Nếu nói về quả báo cướp bóc thì từ địa ngục đến cõi trời thứ sáu đều có đấu tranh. Như trong A-hàm chép: “Đao Lợi đánh nhau không bằng Tula, tìm cứu viện đến cõi trời thứ sáu”. Cướp bóc như vậy biết xưng danh hiệu được thoát khỏi. Kế là lúc tu thiện thì ác sắc là kẻ thù giống như nước và bụi đất, xưng danh hiệu thì ác lùn lại nghiệp thiện được thành tựu, như tối tăm diệt đi thì sáng tỏ nảy sinh. Kế là nói về phiền não là cướp bóc: Tất cả phiền não là oán đối của pháp xuất thế, người đi buôn là thầy yết ma của ba đế, người thọ giới là người buôn, vô tác giới là vật báu rất quý trọng, năm trần là kẻ thù. Hoặc pháp sư là chủ buôn, người buôn là đồ chúng, lý giáo là vật báu rất quý trọng, cả hai gặp ma sự là kẻ thù. Hoặc Tâm vương là chủ buôn, tâm số là người buôn, trí của chánh quán là vật báu rất quý trọng, giác quán làm kẻ thù. Hoặc Bát-nhã là

chủ buôn, năm độ muôn hạnh là người buôn, thật tướng pháp tánh là vật báu rất quý trọng, sáu che đậy là kẻ thù. Dem ý này trải qua các giáo nghĩa tự tại thực hiện, đều thành tựu xưng danh liền được giải thoát. Kế là dựa vào nạn cướp bóc kết thành cảm ứng từ bi của Biệt - Viên. Ví dụ trước đây có thể hiểu v.v...



QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA SỚ

QUYỂN HẠ

Thứ hai là từ “Nếu có chúng sanh nào nặng về dâm dục v.v...” trở xuống, là nói về ý cơ. Giải thích phần này chia làm hai: Một. Thuận theo văn. Hai là Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm hai: Một. Chính thức nói về ý cơ. Hai. Kết thúc ý cơ. Ý cơ dựa theo ba độc chia làm ba chương, mỗi chương đều có ba phần: Một là nói có khổ. Hai. mặc niệm, hai phần này tức là nói về cơ. Ba. Nói về lia bỏ tức là trình bày ba cảm ứng đó. Thường gọi là độc ấy là thực hành xâm phạm làm hại người được dụ như độc, nhưng tên gọi có đơn có phức. Có người giải thích rằng: Ba độc nhiều là không biết đó là lỗi lầm cho nên không cầu Quán Âm ba độc ít là đức phạm hạnh xưng niệm Quán Âm cho nên có thể cảm. Ý nói rằng cách giải thích này trái với văn. Văn chép: Nếu có chúng sanh nặng về dâm dục niệm liền được lia xa, vì sao đối diện mà làm được trái kinh? Nay trình bày ba độc nhiều, có thể niệm Quán Âm Bồ-tát có lực khiến cho thường được xa lia, hướng chi đối với ít. Đây thì lấy nhiều so sánh ít mà thôi. Đại Luận chép: “Người nữ làm bản giới chê bai pháp còn tai họa cho người, không phân biệt cầm thú không tránh tường cao hào rộng, bất kể tiếng tăm, đức hạnh, phá nhà mất nước diệt dòng họ đổ tổ tông, tai họa, kéo dài thân đó, như Thuật Bà già tai họa kéo dài đất nước của họ, như Chu thất bại, khen ngợi Bao Tự”. Tịnh trí và thiền kinh trình bày người nặng về dục có con sâu dục, con sâu nam nước mắt chảy ra màu xanh trắng, con sâu nữ nhả ra máu mà hồng đỏ. Lại nói có con quỷ dục quấy nhiễu lay động tâm niệm của họ khiến cho phát sinh điên đảo mê hoặc. Như Đại Kinh chép: “Nếu thói quen gần gũi tham dục là lúc báo ứng chín muồi”. Đây là đưa ra tướng đa-dục. Nếu người ít dục thì con sâu, con quỷ ẩn nấp. Không vượt qua điên cuồng say sưa là tướng ít dục, số chép: Tự yêu thích là tham - người khác yêu thích là dục .v.v... Người nhiều tức giận nóng nảy thì đời nay đời sau không thích nhìn, như ngựa khát bảo vệ nước uống - như bản sư tử mẹ, cho nên Di giáo chép: “Giặc cướp công đức không gì

hơn tức giận”. Hoa Nghiêm chép: “Một niệm tức giận nổi lên che chắn trăm cửa pháp sáng, Bồ-tát vì tức giận trái với Từ bi ngăn cách đạo là sự việc nặng nề”. Đại Tập chép: “Một niệm tức giận nổi lên tất cả ma quỷ được thuận tiện”. Niết-bàn chép: “Thói quen gần gũi tức giận, hoặc tâm độc điên đảo cũng nên có quỷ”. Như Kinh Nại Nữ chép: “Sân thì có bọ cạp, con sâu này gọi là tướng đa sân”. Trái với trước là tướng sân ít. Kể nhiều ngu si, tà vạy vờ với các kiến giải, bác bỏ không có nhân quả chê bai Đại thừa, như trong Đại Kinh, nói cũng như trước đều có sâu và quỷ. Tai họa của ba độc như vậy, muốn lìa xa nơi này cho nên dốc lòng trì niệm Quán Âm, liền được xa lìa. Có người giải thích: Khởi tâm và điều phục xuống trái nhau gọi là xa lìa. Không phải lìa dứt nay cho rằng văn kinh nói là xa lìa sao ý nói là chẳng phải? Nếu căn cứ vào kinh Thỉnh Quán Âm thì sạch hết ba độc căn cơ thành tựu Phật đạo vô ngại. Nay làm mười thứ trình bày cứu giúp ba độc, ba thứ là điều phục hoặc nói về xa lìa, bảy thứ là dứt trừ hoặc nói về xa lìa.

Hỏi: Xa lìa phiền não phải là trí tuệ, chỉ niệm chẳng lẽ được xa lìa hay sao?

Đáp: Kinh nói thường niệm tức là chánh niệm, thể hội thấu đạt tánh phiền não không phải vốn có, sống trong tham dục tức là thật tế, thật tế vắng bật bốn câu không có năng - không có sở - niệm tánh thanh tịnh, chánh niệm như vậy chẳng phải trí tuệ, thì trải qua nơi nào tìm kiếm trí tuệ? Tuệ này không xa lìa phiền não, cái gì có thể lìa bỏ? Hoặc như bị nạn ắt cần công dụng riêng biệt, trí tuệ phá trừ phiền não ấy, ở đây thì có hoặc để dứt có trí năng đoạn, chẳng phải chỉ riêng hoặc không thể dứt mà tuệ trở lại thành hoặc, há có thể gọi là tuệ dứt hoặc hay sao? Nay chánh niệm này không dùng sắc niệm không dùng phi sắc niệm- như vậy, bốn câu vừa dùng sắc niệm - vừa dùng phi sắc niệm. Như vậy bốn câu hoặc lần lượt nói về phi niệm, hoặc không lần lượt nói về phi niệm, hoặc không lần lượt nói về niệm, hoặc lần lượt nói về xa lìa, hoặc không lần lượt nói về xa lìa.

Kế là Quán giải thích: Bảy thí dụ trên có thể hiểu, nay chỉ hai thứ thuận nghịch dựa theo giới ngoại mà thực hiện, không phân biệt tướng ba độc phần đoạn, nay phân biệt tâm dục của thiện nghiệp gọi là tham. Đại Kinh chép: “Tất cả thiện pháp dục là căn bản”. Nhị thừa ham muốn cái vui Niết-bàn gọi là tham, chán ghét sanh tử gọi là sân, không thấu suốt lý này gọi là si. Khai triển tam độc thì có tám muôn bốn ngàn rõ ràng đầy đủ. Tịnh Danh chép: “Kiết tập chưa hết, hoa vương lại thân.” Nhị thừa chưa dứt trừ ba độc này, tức là tướng ba độc Biến dịch”. Chưa

dứt trừ biệt hoặc thì Bồ-tát cũng cùng có ba độc này. Cho nên có Bồ-tát tham cầu Phật pháp ở trong hàng sa kiếp chưa hề tạm thời xả bỏ. Nhiều học vấn không thỏa mãn đầy đủ tức là tướng tham. Giặc Ác Nhị thừa không thích nghe tên gọi của nó, cho nên nói thà khởi ba xấu ác, phong hủy, hoang đại vụng về chứ không khởi tâm nhị thừa. Như thí dụ về chặt cành của đại thụ, há chẳng phải tướng sân hay sao? Vô minh chồng chất rất nhiều, trí Bồ-đề của Phật là năng đoạn, lý Phật tánh chưa rõ ràng, chưa rõ ràng điều ấy là tướng si. Vì muốn dứt bỏ ba phiền não này, thường niệm Quán Âm tùy cơ ứng phó liền được xa lìa mãi mãi. Xa lìa mãi mãi có hai loại, nếu Bồ-tát này ở trong sanh thân hoàn toàn chưa trừ bỏ biệt hoặc, chính là Biến dịch nói về hoàn toàn chưa xa lìa mãi mãi, nếu trong sanh thân đã lẩn át biệt hoặc, ngay trong Biến dịch trừ diệt những gì còn thừa lại nói về xa lìa mãi mãi.

Kế là nói về nghịch nói quán sát ba độc: Tất cả chúng sanh gọi là thiếu dục sân si, vì sao? Vì giận khổ ba đường, tham niềm vui trời người, Nhị thừa chỉ giận sanh tử muốn đạt được niềm vui Niết-bàn, đều gọi là thiếu (ít). Bồ-tát không như vậy, vui mừng cầu mong Phật pháp chẳng phải chỉ cầu mong một Phật pháp, mà lần lượt cầu mong tất cả Phật pháp không thể nói, như biển cả nuốt các dòng chảy còn không thỏa mãn, chẳng những không chịu đựng sanh tử mà cũng không chịu Niết-bàn. Cho nên kinh Đại Phẩm quyển năm chép: “Không chịu như vậy tức là đại sân, năng lực vô minh to lớn trí Phật có thể dứt trừ, Bồ-tát đối với hoặc của lực vô minh to lớn hãy còn tồn tại. Lại nữa, si giống như hư không chẳng thể hết, cho đến già chết giống như hư không chẳng thể hết”. Như vậy ba độc tức là ba pháp môn, một là lấy, hai là xả bỏ, ba là không lấy không xả bỏ. Đại từ bi - bốn nhiếp pháp - mười lực vô úy - Tam-muội giải thoát vô thượng Bồ-đề, hạnh tinh côi nước Phật hóa độ chúng sanh, gọi là pháp môn thủ, tức là đại tham. Tất cả pháp không - chẳng có gì không trụ không trước, Bát-nhã giống như lửa lớn nóng nực bốn phía không thể lấy được, đại Niết-bàn là không, thành Ca-tỳ-la là không, đường dứt ngôn ngữ tâm hành diệt, không dùng bốn câu đạt được Bồ-đề, vô đắc vô chứng tức là pháp môn Xả, gọi là đại sân. Trung đạo chẳng phải phân biệt chẳng phải xả bỏ, không ghét không thích, không đoạn không thương, không có đi không có đến, không sanh ra không diệt đi, như ảnh tượng trong gương không thể thấy mà thấy, thấy mà không thể thấy, chẳng phải có thể thấy chẳng phải không thể thấy, ngăn chặn hai bên cho nên không thể nói năng. Tịnh Danh ngâm miệng tức nói Trung đạo, đây chính là đại si. Vì thế Văn Thù chép: Ta là tham

dục Thi lợi - sân nhuế Thi lợi - tà kiến Thi lợi”. Đây chính là minh chứng cho điều đó, muốn thỏa mãn ba pháp môn này, thường niệm Quán Âm thì thường được mãn nguyện tất cả. Bậc Thánh tự hành hóa tha không có gì không từ ba pháp môn này mà đi vào, xa lìa nơi này. Lại không thể có đạo. Do đó Kinh Vô Hành chép: “Tham dục chính là đạo, tức giận si mê cũng như vậy, trong ba pháp như vậy đầy đủ tất cả Phật pháp, tất cả Phật pháp không ra ngoài muôn hạnh Ba-la-mật, không chịu đựng công dụng to lớn của Tam-muội Trung đạo thật tướng. Ba pháp môn này không thể biểu thị công khai, thương chúng sanh cho nên hoặc là thực hiện thuận nói hoặc là thực hiện nghịch nói có loại trừ - phân biệt lẫn nhau. Đây tức là ý bốn tất-đàn phó duyên lợi ích”. Như trong Hoa Nghiêm thứ bốn mươi hai trình bày: “Hiếm nạn quốc trong thành Bảo Hoa Nghiêm có người nữ tên gọi là Bà Tu Mật Đa, nói pháp môn trong lý dục, tất cả chúng sanh tùy theo chủng loại thấy Ta, Ta đều là hình tượng người nữ đó. Người thấy Ta được hoan hỷ Tam-muội, cùng Ta nói được vô ngại diệu âm Tam-muội, nắm tay Ta được đến cõi chư Phật Tam-muội, người cùng Ta trú ngụ được Giải thoát quang minh Tam-muội, mắt nhìn ta được pháp môn Tịch tịnh, thấy Ta nhứt mảy rên rĩ được pháp môn hoại tán ngoại đạo, người A Lê thích hợp Ta được Nhiếp nhất thiết chúng sanh Tam-muội, người A chúng bao bọc Ta được các công đức bí mật tạng, trú ở pháp môn lý dục này rộng ra làm lợi ích”. Đây há chẳng phải nghịch thuận muốn pháp môn dẫn dắt lợi ích chủng loại quần sanh hay sao? Lại nữa, trong Hoa Nghiêm thứ bốn mươi một: Mãn Túc Vương trong thành Mãn Trùng, ở nơi chánh điện tiến hành vương pháp, người phạm pháp đó chém chặt đun nấu mổ xẻ phanh ra băm nhỏ, trợn mắt quát mắng khổ sở để trị tội. Thiện Tài sinh nghi, vương quyết định sự việc xong nắm tay Thiện Tài đi vào cung đó, thấy cảnh giới không thể nghĩ bàn không thể thí dụ, nói với Thiện Tài rằng: “Tôi biết pháp môn huyễn hóa, hóa thành chúng sanh mà kiên trì sửa trị, để điều phục tất cả, người đó thấy nghe phát tâm Bồ-đề” Đây há chẳng phải pháp môn sân. Phương tiện bảo Bà-la-môn năm hơi nóng nung thân tức là pháp môn si như trước đã nói hay sao? Kế là trình bày hai quán Biệt - Viên quán sát ba độ, từ bi cơ cảm cũng như trước có thể biết nên không ghi lại đầy đủ. Thứ ba từ “Nếu có nữ nhân v.v...” trở xuống, trình bày thân nghiệp làm cơ cũng chia làm ba: Một. Thuận theo văn, Hai. Dẫn sự việc chứng minh. Ba. Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm hai: Một. Ước nguyện thỏa mãn. Hai. Kết thúc khen ngợi cầu mong, lại chia làm hai: Một là cầu

con trai, hai là cầu con gái. Văn chép: Người nữ cầu con trai nếu là không có con trai thì tuyệt tự, có con trai thì cha mẹ điều vui mừng. Tại vì sao chỉ nêu lên người nữ cầu con trai vậy? Giải thích điều đó hoặc chép: Nữ chán ghét thân nữ chứ chẳng phải cầu con. Lại giải thích nữ tánh phần nhiều yêu quý vui mừng chú trọng nghiêng về con trai cho nên nêu lên người nữ. Nay giải thích người nữ vì không có con là đau khổ, bị chồng bỏ đi, vả lại phụ nữ bộ xem thường, người chung quanh chế nhạo. Lại nữa, phụ nữ có bảy cái mất, sáu cái hãy còn có thể nên chịu nhưng không có con bị thảm nhất. Về mặt dữ tợn tánh tình đố kỵ không thể hầu hạ mẹ chồng ham ăn vụng về, không có con mang về. Không có con đã đau khổ cho nên lấy nêu lên người nữ cầu con trai vậy. Cầu con trai - văn chia làm ba: Một là lập nguyện. Hai là tu hành. Ba là đức nghiệp. Nguyện và hạnh giống như văn. Đức nghiệp: Trình bày tầng lớp kẻ sĩ có trăm hạnh, mà trí đứng đầu trong trăm hạnh. Nếu chỉ có trí mà không có phước thì địa vị thấp hèn nên tài sản thiếu hụt phạm vi tiếp xúc khốn đốn, trí và phước hợp lại càng giúp đỡ lẫn nhau, hiển bày phước thì tài sản địa vị lên cao, tuệ thì danh tiếng lừng lẫy vang xa, cho nên nói thường sanh ra con trai phước đức trí tuệ. Cầu con gái trong văn chỉ nói về nguyện và đức nghiệp mà không nói về tu hành ấy vì hành giống như lễ bái cho nên không luận lặp lại. Nguyện đức đã đặc biệt nên cần phải phân rõ tất cả. Người nữ xinh đẹp là thứ nhất của bảy đức, người chỉ xinh đẹp mà không có tướng thì hoặc là thấp hèn cô độc nhạt nhẽo vô vị tướng mạo không đẹp. Nay trình bày dung mạo và dáng vẻ giúp lẫn nhau càng hiển rõ đức đó, xinh đẹp thì làm cho sủng ái - tướng thì dẫn đến bổng lộc cung kính. Vì thế văn chép: Mọi người ái kính. Nếu yêu quý kèm theo khinh mạn thì đâu gọi là đức? Yêu quý mà cung kính cho nên là tướng. Có người giải thích: Vốn có gieo trồng cội rễ công đức là đủ để giải thích nghi ngờ. Mọi người đều cho rằng: Quán Âm có thể làm cho cha mẹ hội tụ gieo trồng trí tuệ xinh đẹp cho đứa trẻ. Nếu như là Quán Âm ban tặng trí tuệ xinh đẹp đó, thì rơi vào sai lầm của vô nhân. Tôi chất vấn lời nói này: Nếu phước tuệ là nghiệp của đứa trẻ, Quán Âm chỉ có thể hội tụ sự thọ sanh đó, đứa trẻ không có sanh duyên với Quán Âm có thể hội tụ cho sanh, đứa trẻ không có phước tuệ Quán Âm cũng có thể khiến cho có. Quán Âm bèn không thể làm cho không có phước, gieo trồng phước sao có thể thích hợp khiến cho không sanh mà sanh? Luận về phước sợ rơi vào vô nhân, nói về sanh sao không sợ rơi vào vô nhân? Nếu như vậy, bậc Thánh hoàn toàn không có thể ban tặng phước tuệ, chỉ có thể làm người môi giới. Điều này

không thể giải thích. Chất vấn về Quán Âm không thể khiến cho đứa trẻ có phước tuệ: Trên nói một người xưng danh hiệu thì nhiều người đều thoát khỏi nạn La-sát. Đây là vô nhân mà không giống như cách giải thích kia, vô cớ sao bỗng nhiên thoát được vậy? Nay nói về Thánh lực vô cùng to lớn không có gì không tham gia, có thể khiến cho người có phước tuệ đời trước nhờ đó sanh ra. Dù do đời trước không gieo trồng thiện duyên, cũng có thể khiến cho người đó tu phước ở trong giai đoạn Trung ấm. Nghĩa này trích từ Kinh Trung ấm. Nay không phân biệt câu này làm ý nghĩa giải thích nghi ngờ. Nếu có lẽ bái thì phước không đối ứng, đây là kết luận thành tựu cơ của thân nghiệp, cũng là nghĩa của giải thích nghi ngờ. Kết luận nghĩa có thể hiểu rõ. Giải thích nghi ngờ ấy nếu nói lẽ bái nguyện mãn, tự nhiên có lẽ bái mà không được nguyện mãn, sao có thể nói là không đối ứng? bởi vì tâm không thành kính thì nguyện không đầy đủ, công lao lẽ bái thâm kín giúp đỡ không mất. Điều này có thể là giải thích nghi ngờ.

Hỏi: Lễ bái là cơ của thân nghiệp cũng thích ứng thoát được các nạn nước - lửa hay không?

Đáp: Đây nêu ra nam nữ là nói sự xinh đẹp mà thôi. Kế là dẫn ra sự việc chứng minh. Truyện Ứng Nghiệm chép: “Có người họ Cách, ngày tám tháng tư sinh ra người gốc ở nước Nguyệt Thị”. Kế là Quán giải thích: Quả báo cầu nam nữ ấy như trong A-hàm chép: “Từ địa ngục giới trở lên cho đến trời cõi Dục đều có nỗi khổ về không có con cái, lễ bái cầu nguyện cũng có thể thỏa mãn tâm nguyện”. Kế là trình bày tu nhân nói về nam nữ: Trước tiên phân rõ pháp môn, tiếp đến trình bày cùng với nguyện. Pháp môn ấy là vô minh làm cha - tham ái làm mẹ, sáu căn nam, sáu căn nữ, Thức làm mai mối bán gã sanh ra vô lượng con cháu phiền não, nam nữ này không vất vả nguyện cầu mà tùy ý vận dụng trở thành quyến thuộc. Như ngoại thư lấy trời dương đất âm lắng xuống nổi lên làm nam nữ, hướng chi Phật pháp mà không có vậy sao? Hoặc ngay trong nội điển Phật là vua - Kinh giáo là phu nhân, sanh ra tất cả Bồ-tát Phật tử. Lại nữa, thiện quyền phương tiện là cha, trí độ Bồ-tát là mẹ, tất cả các bậc thầy dẫn dắt, không ai không từ đây sanh ra. Lại nữa, từ bi là con gái - thiện tâm là con trai, hoặc thiện định yên lặng tính tế là con gái, quán sát trí tuệ phân biệt là con trai. Nhị thừa định nhiều mà tuệ ít, Bồ-tát định ít mà tuệ nhiều. Đại Kinh chép: “Nếu nghe pháp Phật tánh của đại Niết-bàn, nên biết người này có tướng tượng phu, chánh quán cương quyết là con trai, vô duyên từ bi hàm chứa bao phủ tất cả là con gái”. Nay mượn nam nữ thế gian đều biểu hiện pháp

môn mà thôi.

Hỏi: Sao có thể dùng nam nữ để biểu hiện pháp môn? Bởi vì không có nam nữ tức là không có pháp môn, như Đại Kinh nói mãi mãi xa lìa mười tướng gọi là đại Niết-bàn. Đại Luận chép: “Không có tướng nam nữ, cho nên gọi là vô tướng”. Tịnh Danh chép: “Tất cả các pháp chẳng phải nam chẳng phải nữ, như Phật đã nói cũng chẳng phải nam chẳng phải nữ”. An Lạc Hạnh chép: “Cũng không phân biệt là con trai hay là con gái”. Nhập Bát Nhị Pháp Môn chép: “Không có tâm Thanh-văn tức là không ở nơi định, không có tâm Bồ-tát tức là không ở nơi tuệ, tiểu thừa tam tạng duyên theo đế lý, Ta nghe trong giải thoát không có ngôn nói”. Thành luận đi vào Không bình đẳng cũng không có nam nữ, nam nữ đã không hề biểu hiện an trú, cho nên biết không có pháp môn định tuệ vậy?

Đáp: Đại thừa thật tướng không cho rằng có nam nữ và không có nam nữ, thiện xảo phương tiện dùng bốn tất-đàn giới thiệu về có - không. Thiên nữ chép: Không xa lìa văn tự nói nghĩa giải thoát, tánh văn tự xa lìa tức là giải thoát, đều bởi vì văn tự có quá khứ hiện tại và tương lai. Chẳng phải nói là Bồ-đề thật tướng cũng như vậy, chẳng phải có chẳng phải không - chẳng phải hai mà hai, rõ ràng hai pháp này chưa hề xa lìa nhau, giống như một thân có tay trái tay phải, định tuệ cũng như thế. Định tĩnh lặng tuệ soi chiếu, tuy lại là hai phần, nhưng không xa lìa pháp tánh. Nói định tức là có tuệ, nói tuệ tức là có định, giống như người nữ mà có tay phải, cũng như người nam mà có tay trái, định tuệ cũng như vậy. Vô duyên từ đầy đủ chánh quán tuệ mà lấy định làm tên gọi, Trung đạo chủng trí đầy đủ đại từ định lấy trí nêu lên hạng mục, đâu chỉ lý như vậy mà văn hiện nay cũng như thế. Văn chép: “Thường sanh con trai phước đức trí tuệ” lời này tự nhiên đầy đủ hai pháp môn sao vất vả có nghi ngờ mà gọi là con trai. Văn chép: “Thường sanh con gái xinh đẹp có tướng mạo”. Xinh đẹp không tà vạy xấu xí biểu hiện cho Trung đạo chánh quán, xa lìa sự xấu xí của nhị biên, chính là nghĩa của tuệ. Tướng chính là ba mươi hai tướng từ tâm đã gieo trồng, tức là biểu hiện cho nghĩa của định. Tuy đầy đủ hai nghĩa mà gọi là con gái vậy. Do đó biết văn này hoặc là thực hiện hai cách giải thích nam nữ, tức là biểu hiện định tuệ không hai mà hai. Hoặc là thực hiện giải thích về bất nhị, tức là biểu hiện định tuệ hai mà không hai, lý thật sự chẳng phải hai chẳng phải không hai, phó duyên là hai là không hai, tức là biểu hiện văn nghĩa hai pháp môn ở tại đây.

Tiếp đến trình bày ứng cơ mãn nguyện: Quả báo mãn nguyện

như trước đã chép: Tu nhân ấy là nếu dựa vào tu năm giới mà luận thì không giết hại là nhân ái - không trộm cắp là liêm khiết, thuộc về nữ biểu hiện cho pháp Định. Không nói xằng bậy là chất phác thẳng thắn - không dâm dật là chân thực lương thiện - không uống rượu là xa lìa tà vạy mê muội, đây thuộc về nam biểu hiện cho pháp tuệ. Nếu không đạt được nam nữ năm giới này, thì mất đi đường trời người, cô độc rơi vào ở ba đường ác, qui mạng cầu cứu năm giới hoàn toàn đầy đủ tức là con trai nữ nguyện mãn. Mười thiện ví dụ có thể biết. Lúc tu thiền, phương tiện tu tuệ tinh tiến như ba phương tiện là con trai, niệm nhất tâm là con gái. Hoặc ngay nơi rừng thiền chi giác quán hỷ là con trai, lạc nhất tâm là con gái, cho đến Phi Tưởng thiền trong thiền tinh tế thực hiện có thể hiểu rõ. Tiếp đến nói về Thanh-văn nam nữ: Ngũ đình tâm quán, chữa trị tức giận sử dụng Từ - chữa trị tán loạn sử dụng sở tức, hai cách này là con gái. Chữa trị tham lam sử dụng bất tịnh, chữa trị si mê sử dụng nhân duyên, chữa trị chướng đạo sử dụng niệm Phật, ba cách này thuộc về nam. Lại nữa, thẳng duyên theo đế lý chánh trí quyết đoán gọi là con trai, ra khỏi quán sử dụng pháp duyên từ là con gái. Nếu không đạt được hai pháp này, tức là sẽ đọa lạc vào phàm phu, bị nhà lửa thiêu đốt làm hại, bản cùng cô độc. Nếu được thù ứng phát sanh nam nữ Ngũ đình tâm thì được đi vào chân, ra khỏi quán phát sanh nam nữ được đi vào Giả, hai nghĩa đã đầy đủ thì không trở lại sợ hãi hai mươi lăm Hữu. Tiếp đến là Bích Chi Phật: Duyên theo phương tiện đạo khởi Từ bi quán gọi là con gái, tuệ quán gọi là con trai. Hoặc là phát chân duyên theo lý gọi là con trai, ra ngoài quán duyên theo Từ gọi là con gái. Bích Chi Phật ví như hươu hầy còn có Từ quay đầu nhìn lại. Nếu không đạt định tuệ như vậy, nhờ đâu mau chóng vượt ra mà thiết tha chăm chỉ cầu pháp? Nếu được thỏa mãn tâm nguyện thì thần nhiên vui sướng. Tiếp theo nói về Lục độ Bồ-tát: Bồ-tát có Từ bi không đoạn hoặc ở nơi sanh tử làm lợi ích cho vật gọi là con gái, thực hành sáu độ phương tiện trí tuệ gọi là con trai. Người nữ pháp ứng sanh con, từ bi pháp ứng nhận chịu sanh tử hóa độ cho vật, hóa độ cho người trước khai phát thiện tâm, tức là nghĩa của sanh con, người trước sanh ra năm độ ấy là sanh ra nữ, người trước sanh ra trí tuệ là sanh ra nam. Nếu nghĩa của định tuệ không thành tựu, thì hạnh Bồ-tát không tồn tại, cho nên cầu Quán Âm mà được thỏa mãn tâm nguyện. Kế là là Thông giáo Bồ-tát: Đã dứt trừ phiền não thì có tuệ của trí đoạn duyên theo đế lý là con trai, từ bi giúp tập khí còn lại đi vào ba cõi gọi là con gái, tại vì sao? Bởi vì giống như pháp nam không sanh biểu thị cho trí tuệ quyết đoán dứt trừ đối với phiền não, không sanh vào

ba cõi mà nay trở lại sanh ấy, chính là từ bi giúp tập khí còn lại cho nên được tiếp tục sanh ra, gọi đó là con gái, cầu nguyện Quán Âm được thỏa mãn tâm nguyện này. Kế là nói về Bồ-tát Thập Tín Biệt giáo: Tu phước đức trang nghiêm năm độ Ba-la-mật là con gái, từ Địa thứ nhất - địa thứ hai trí tuệ trang nghiêm là con trai. Ba mươi tâm gọi là chỗ nam nữ giao tiếp Thánh thai, Sơ địa Trung đạo chánh trí khai phát gọi là con trai sanh ra, tâm về duyên từ mở rộng gọi là con gái sanh ra. Hai loại này cần phải ở tại Sơ địa mới được khai phát, cũng gọi là con trai nữ cùng sanh ra. Nếu không như vậy thì rơi vào cái lỗi sanh tử nhị biên của nhị thừa. Sanh ra nam nữ này là sanh đại hoan hỷ cho nên gọi là Hoan Hỷ Địa. Từ bi che phủ vật - vật chịu ân cho nên gọi là Đại từ đại bi. Đại từ đại bi có thể thành tựu Phật đạo sanh ra Bát-nhã, là tổ mẫu của chư Phật cho nên xưng là Đại nữ. Mười lực vô úy mọi chúng sanh không biết cho nên không gọi là Đại. Kế là Viên giáo dùng vô duyên từ bi gieo trồng nghiệp của ba mươi hai tướng cũng gọi là con gái. Người nữ này xinh đẹp có trí tuệ tương tự Trung đạo làm nam. Người nam này ngay thẳng phước đức, Thập Tín sáu căn thanh tịnh gọi là ở thai - ban đầu trú ở Từ - Trí nam nữ cùng sanh ra. Nếu đạt được nam này không có sợ ái kiến đại bi thuận theo đạo pháp ái, cũng không sợ không có trí tuệ phương tiện trói buộc. Phương tiện và tuệ cùng giải trừ ấy tức là con trai nữ đầy đủ cả hai đều cầu mong ý nguyện thỏa mãn. Biến dịch hai loại có thể hiểu. Lại nữa, từ năm giới mười thiện cùng cõi trời Lục dục trở đi đều không có thiên định, đều là tán tâm tuệ pháp mang thai nam nữ. Nhưng tuệ không có định, ở thiên thứ tư có rừng thiên chi nhất tâm gọi là con trai nữ đầy đủ phước tuệ. Từ định tuệ nam nữ trong ba cõi, nam không có công lao phá trừ hoặc, nữ không có sức lực sanh ra vô lậu. Đây không có công dụng của nam nữ, từ nhị thừa - Thông giáo trở đi, tuệ có công dụng dứt trừ hoặc, tức là con trai đảm nhiệm sự việc, nữ có đức phát sinh vô lậu tiếp nối về sau. Nhị thừa - Thông giáo vốn có định tuệ không có thể phá trừ vô minh thấy Phật tánh, tuy nam mà nữ, Định thì không thể mang con ở nơi Trung đạo giống như phụ nữ không mang thai (thạch nữ), tuy nữ mà nam. Do đó Đại Kinh chép: “Người hàng nhị thừa Định nhiều tuệ ít không thấy Phật tánh, người hàng Bồ-tát bên Thông giáo Tuệ nhiều Định ít cũng không thấy Phật tánh, từ đây về trước chúng ta đều gọi là người tà kiến. Chỉ có Biệt giáo tăng địa chân minh tuệ phát khởi vô duyên Từ thành tựu. Đây mới gọi là chân chánh nam nữ. Sơ trú Viên giáo lúc thấy Trung đạo, định tuệ đầy đủ tướng nam nữ hoàn toàn, mới xứng hợp kinh văn nam thì phước đức - nữ

thì xinh đẹp”. Cho nên biết dựa vào sự biểu thị pháp, sao có thể thực hiện mai mối bán gả giải thích về Quán Âm được? Thứ ba từ “Cho nên chúng sanh v.v...” trở xuống, là khuyến khích thọ trì, chia làm ba: Một - Khuyến khích thọ trì. Hai. so sánh lượng. Ba. Kết thúc khuyến khích. Trì như trên nói Quán Âm được tên gọi nhân duyên lực đó rộng lớn, đã không phân rõ hình dạng tính chất tương đối, tức chính là kể ra tên gọi nói về đức. Nếu muốn trở về sùng kính nên phụng trì danh hiệu, cho nên nêu lên trì danh để khuyến khích. Hai là so sánh lượng chia làm bốn: Một. Cơ sở so sánh lượng. Hai. Thưa hỏi. Ba. Trả lời. Bốn. Chính so sánh lượng. Nên lên ba sự nhiều làm cơ sở so sánh lượng, sáu mươi hai ức là nêu lên phước điền nhiều, toàn trọn đời thọ mạng là nêu lên thời tiết nhiều, bốn sự đầy đủ là nêu lên hạt giống nhiều. Xưa chỉ cho ba ý nay trì danh hiệu nhiều, tất cả nêu lên bốn cái nhiều để so sánh. Kế là thưa hỏi - trả lời như văn. Tiếp là chính nêu so sánh: Trở lại nêu lên bốn cái ít để so sánh bốn cái nhiều. Công đức chánh bằng với trì danh ít phước điền ít thời tiết ít hạt giống ít.

Hỏi: Ý gì lấy ít địch với nhiều vậy?

Đáp: Phật nhãn xứng lượng không tăng giảm, bốn cái nhiều sâu nặng gấp bội công đức đích thực ngang nhau như vậy, so sánh lượng không sai lầm. Hỏi: Ý gì sự bằng nhau đó xưa giải thích có năm cách:

1. Nói rằng phước đó thật sự đặc biệt dẫn ra vật để luận bàn, cách giải thích này chính là bàn luận phù phiếm, Quán Âm trở thành không có đức, thật đáng quý trọng.

2. Nói rằng ruộng có cao thấp gây nên bạc màu cần cỗi, như cúng dường trăm vị Sơ quả. Không bằng nhất quả - nhị quả cho đến vô học; đây cũng chẳng phải ý khen ngợi công đức, chính là lấy thấp so với cao thì pháp tùy đó tốt hay xấu mà thôi.

3. Tâm có đậm nhạt vì thế khiến cho phước không giống nhau.

4. Thời có thể hiểu không có thể hiểu; hai cách giải thích này đều là tâm lực của người trước tạo nên phước, đâu quan hệ gì công đức cao xa của Quán Âm?

5. Người có duyên hay không có duyên, như cung cấp hay phá hủy người đi đường thì tội phước nông cạn, cung cấp hay hủy nhục cha mẹ thì tội phước sâu dày. Nay trình bày một hay nhiều tánh không thể đạt được hai tướng có - không, một thì chẳng phải một, nhiều cũng chẳng phải nhiều, cùng đi vào như thật tế - thật tế chánh bằng nhau không sai khác. trong một giải thích vô lượng cho nên nói sáu mươi hai ức, trong vô lượng giải thích một cho nên nói Quán Âm xoay vần sanh chẳng phải

thật. Chẳng phải thật: Tức là một không có một chân thật - một từ vô lượng sanh ra, nhiều cái không có nhiều chân thật - nhiều từ một sanh ra cho nên lý đích thực đồng đều, cho nên nói trí ấy không sai khác. Vô sở úy là soi chiếu Sự - Lý đó đã rõ ràng không nảy sinh nghi ngờ sợ hãi, cho nên nói là Chánh đẳng. Luận Pháp Hoa chép: “Cuối cùng quyết định biết rõ pháp, pháp tức là pháp tánh chân như Pháp thân, vì thế cho nên sáu mươi hai ức danh hiệu Phật và danh hiệu Quán Âm công đức không sai khác”.

Lại, dựa theo quán giải thích: Hai quán phát khởi Trung đạo - hai quán thật sự không bằng nhau mà nói bằng nhau là bởi vì Trung đạo bình đẳng, cho nên nói là Đẳng. Như vậy những người gặp nạn kia hơn hẳn Như-lai cho nên nói là Đẳng v.v... Ba là kết thúc thành tựu lúc xưng danh hiệu phước không thể cùng tận. Đại Phẩm chép: “Một đóa hoa rải ra giữa hư không cho đến tất cả khổ phước đó không cùng tận”.

Như văn hỏi đáp thứ hai. Từ “Vô Tận Ý bạch Phật dạy: Bồ-tát Quán Thế Âm đạo ở cõi Ta bà thế nào v.v...” trở xuống, trước hỏi duyên gì được tên gọi, Đức Phật trả lời ba nghiệp chúng sanh hiển bày cơ là cảnh pháp thân linh trí thâm kín cảm ứng, cảnh trí nhân duyên gọi là Quán Thế Âm. Nghĩa này đã xong. Nay hỏi: Vì sao đạo khắp thế giới Ta bà này? Đức Phật trả lời dùng Phổ Môn thị hiện. Ba nghiệp hiển bày cảm ứng - cảm ứng mười nghĩa cơ v.v... của chúng sanh. Một hỏi hai trả lời. Hỏi chia làm ba: Một. Du hóa thế nào là hỏi về thân nghiệp, nói thế nào là hỏi về miệng nghiệp, phương tiện là hỏi về ý nghiệp. Đây là ba nghiệp của bậc Thánh không mong cầu mà khắp nơi ứng với tất cả, cũng gọi là ba không lỗi (lầm) - ba luân hóa độ không nghĩ bàn, cũng gọi là ba bất hộ. Ba bất hộ: là nói Quán Âm an trú trong bất tư nghị viên phổ pháp môn, thật sự không tác ý suy tính trừ lượng, lần lượt trải qua tìm kiếm phương pháp thực hành cảm ứng này, tức là không phân biệt cũng không trước sau, tùy ý vận dụng thành tựu giống như gương sáng tùy theo vật đối diện liền hiển rõ cùng lúc đều cảm ứng, cho nên nói ba nghiệp không bao che. ba không lỗi: Căn cơ chúng sanh không giống nhau sâu cạn có khác biệt, Quán Âm tuy không tác niệm xem xét cơ mà không sai lầm phù hợp tương đương người trước, kín hội nhập Sự Lý cho nên nói không lầm. Ba luân bất tư nghị hóa: nếu cũng là thân Phật thì cũng thị hiện tâm Phật, miệng Phật, cho đến thị hiện thân chấp Kim Cương Thân, cũng là tâm miệng Kim Cương, tuy hiện bày rộng rãi sắc thân co cụm lợi vật, mà đối với pháp thân trí tuệ không hề bị giảm bớt. Tịnh danh chép: “Khéo léo có thể phân biệt tương các pháp, đối với Đệ

nhất nghĩa không lay động; không lay động mà lay động, đây là hóa độ không nghĩ bàn”.

Hỏi: Ý nghiệp làm sao có thể thị hiện?

Đáp: Thánh ý không thể nào lường được, nếu muốn thị hiện thì dùng cho cơn trùng cũng có thể biết được.

Đức Phật trả lời chia làm ba: Một là Tách biệt trả lời. Hai là trả lời chung. Ba là Khuyến khích cúng dường. Thứ nhất là trả lời riêng cũng trả lời ba câu hỏi. Nói “Đáng dùng” là trả lời về năng lực của phương tiện đó, là hỏi về ý nghiệp, vì sao? Bởi vì nơi ý quán xét cơ nhìn thấy những gì thích hợp đó, nên thị hiện thân nào nên nói giảng pháp nào, tùy đó mà hóa độ. Cho nên biết nói “Đáng dùng” trả lời về ý nghiệp. Hiện thân là trả lời về thân nghiệp, nói pháp trả lời về miệng nghiệp, cho nên biết trả lời đầy đủ ba câu hỏi. Lại nữa, chỉ thực hiện hai lần trả lời bao gồm được đối với ba, nói về hiện thân đó không chỉ có sắc ấm mà thôi, chắc chắn có đủ năm ấm, tức là bao gồm trả lời về ý nghiệp. miệng cũng dựa vào thân tức là bao gồm trả lời về miệng nghiệp. Hoặc như người nói pháp không chỉ giống như cây cối vô tâm, muốn biết trí đang nói khéo léo vận dụng bốn tất-đàn phương tiện, tức là bao gồm miệng nghiệp để trả lời về ý nghiệp. Hai cách giải thích đều nói về trả lời ba câu hỏi.

Từ trong tách biệt trả lời tất cả hiện rõ ba mươi ba thân - mười chín lần nói pháp, thấu tóm lại làm thân mười pháp giới, nhưng vẫn thiếu hai pháp giới ấy, hoặc là dựa vào phẩm trước nói về thân Bồ-tát, hoặc là người phiên dịch bỏ sót hoặc dựa vào văn Chánh Pháp Hoa của bản cổ xưa, hoặc nói Quán Âm tức là thân Bồ-tát, đâu cần phải tiếp tục hiện thân, hoặc ba cách giải thích đều có khó khăn, nay vì thế không sử dụng. Nay dựa theo bản cổ xưa để nói về nghĩa Bồ-tát, nhưng Bồ-tát một pháp giới hoặc quyền hoặc thật, mà nghĩa các loại ứng hóa không thể thiếu sót, cho nên giải thích về pháp giới Bồ-tát vậy. Lại nữa, không có thân của pháp giới địa ngục ấy, hoặc dựa vào phẩm trước hoặc khổ sâu nặng không có thể độ, hoặc nói hình dạng đó phá hoại người nhìn thấy kinh sợ hãi hùng cho nên không hiện thân. Nay trình bày tách biệt giải thích tuy không tổng quát, nhưng trong trả lời có văn chép: “Dùng đủ mọi thân hình đi khắp các cõi nước”, sao có thể nói là không có được? Lại nữa, Thỉnh Quán Âm chép: “Hoặc đạo ở địa ngục vì đại bi thay thế chịu đựng đau khổ, hoặc nói chỉ thay thế chịu đựng đau khổ mà không nói về nói pháp. Nếu dựa vào Phương Đăng nói Bà Tẩu giáo hóa tức là có nói pháp. Thích luận chép: “Bồ-tát giáo hóa địa ngục phần nhiều thực hiện

thân Phật, ngục tốt nhìn thấy không dám ngăn trở”. Lấy đây mà suy ra, cần có thân pháp giới địa ngục nói pháp. Nếu như vậy, thân mười pháp giới thì là đầy đủ. Nay tất cả dựa theo mười thân, làm bốn câu chọn lọc. Tự có thân một pháp giới hóa độ một pháp giới, tự có thân mười pháp giới hóa độ mười pháp giới, tự có thân một pháp giới hóa độ mười pháp giới, tự có thân mười pháp giới hóa độ một pháp giới. Nếu Diệu Giác Pháp thân thì ứng hóa thật báo độ, làm người nhận sự giáo hóa của Xá Na Phật, thuần các vị Bồ-tát đều cầu Phật đạo lại không có thân khác; đây là một pháp giới hóa độ một pháp giới. Nếu Phương tiện hữu dư độ có năm người cùng sanh ra đều cầu Đại thừa, văn trước chép: Nhưng ở cõi kia cầu Phật trí tuệ ở cõi này làm Phật; cũng là một pháp giới hóa độ một pháp giới. Nếu Đồng cư độ nơi vắng lặng đạo tràng, lúc mới thành Phật trước tiên mở ra đồn nói, đồ chúng vâng theo giới pháp đều là người có kiến tư phiền não, mà người là cơ duyên trọn vẹn cùng cảm được Phật thân, cũng có thể là thân một pháp giới hóa độ một pháp giới. Nếu nơi vắng lặng đạo tràng mà đồ chúng vâng theo giáo pháp ở các pháp giới không như nhau, hoặc là người hoặc là trời rồng thần quỷ v.v... Lại căn tánh Viên - Biệt hai hạng khác nhau, tuy các pháp giới không như nhau mà cùng thấy một thân Phật vì họ nói pháp ấy tức là một pháp giới hóa độ nhiều pháp giới. Nếu có thân của một pháp giới chỉ thấy thân một pháp giới hiện bày thì không được độ, thì thị hiện thân của nhiều loại quyến thuộc vây chung quanh, cùng nhau hòa hợp một duyên, thì gọi là thân nhiều pháp giới hóa độ một pháp giới. Nếu thân Phật - thân Bồ-tát hóa độ khắp nơi làm thân mười pháp giới, lần lượt đi vào các đường, tất cả khiến cho được nhìn thấy, cùng hình tượng đó mà vì họ nói pháp, đây là nhiều pháp giới hóa độ nhiều pháp giới. Sử dụng bốn câu này, trải qua năm vị năm thời hiện thân đều như vậy. Lại nữa, dựa theo pháp nói nhiều ít: như Thiện Tài đi theo một trăm mười vị thiện tri thức hỏi về các pháp môn, thì nhiều người nhiều pháp vì một người mà nói. Như Tịnh Danh chép: “Vì hàng Thanh-văn nói bốn đế, vì hàng Duyên-giác nói mười hai nhân duyên, cho đến vì Phạm Vương nói thắng tuệ, vì Đế Thích nói vô đế, một người sử dụng một pháp vì một người mà nói”. Nếu như Thông giáo nói Bát-nhã thì người ba thừa cùng nhau vâng lãnh, đây thì một pháp vì nhiều người mà nói. Nếu là tất cả không ngăn ngại thì người trong một đường vượt ra sanh tử mở thông tri kiến Phật, đây thì nhiều pháp vì nhiều người mà nói. Lại nữa, nhân quả đối chiếu nhau trình bày nhiều ít: Năm giới mười thiện nhân ít quả cũng ít, Thanh-văn - Ngũ đình tâm - Noãn Đảnh v.v... đi vào hai Niết-bàn,

đây là nhân nhiều quả ít, Bích Chi Phật thấy hoa bay lá rụng liền đạt được đạo, đây là nhân ít quả nhiều, các Bồ-tát muôn hạnh thành tựu quả muôn đức tròn đầy. Đây là nhân nhiều quả cũng nhiều. Quán Âm hiểu rõ nơi hướng về của căn chúng sanh, hoặc thị hiện nhân nhiều ít, hoặc nói pháp nhiều ít, hoặc tu nhân nhiều ít, hoặc chứng quả nhiều ít, hòa hợp với cơ kia nên chắc chắn không có sai lầm. Có người chép: “Hiện nhân thân nói quả pháp, hiện quả thân nói nhân pháp, hiện một thân nói nhiều pháp, hiện nhiều thân nói một pháp, hoặc hiện thân mà không nói pháp”. Điều này hạn hẹp so với cơ của mười pháp giới. Xưa giải thích ba mươi ba thân chia làm ba: Một. Bậc Thánh ba thừa. Hai. Bốn chúng. Ba. Tám bộ. Tất cả có đầu ngọn lấy trời người làm đầu ngọn của hàng Thánh, bởi vì hạng đó là chịu đựng căn khí có thể tu học Phật đạo (đạo khí). Đồng nam đồng nữ là đầu ngọn bốn chúng, vì có thể trở thành bốn chúng. Chấp Kim Cương là đầu ngọn tám bộ, vì cùng có đại lực. Nếu như vậy, lực chấp Kim Cương to lớn ý gì làm đầu ngọn?

Đáp: Đây là ở sau cuối để che đậy dấu tích.

Nay nói về ba mươi ba thân vẫn chia làm tám loại:

1. Thân Thánh.
2. Thân trời.
3. Thân người.
4. Thân bốn chúng.
5. Thân phụ nữ.
6. Thân đồng nam đồng nữ.
7. Thân tám bộ.
8. Thân Kim Cương.

Nói về thứ tự đó phát ra từ ý người mà thôi. Một là nói về bậc Thánh trước tiên nói về Phật: đây là ứng Phật hay là hóa Phật, nhưng bậc Thánh hòa hợp với vật có hai nghĩa. Nếu trong một lúc bỗng nhiên có gọi đó là Hóa, thuận theo giống như trước sau gọi đó là Ứng. Nếu tìm văn này sẽ hiểu rõ của Ứng.

Hỏi: Sao không lấy chân Phật vì chúng sanh nói pháp mà lại lấy Ứng Phật vậy?

Đáp: Thân Phật nhiều chủng loại, nếu Ứng - Hóa chẳng phải chân Phật thì cũng chẳng phải người nói pháp. Chân Phật ấy là dựa vào Diệu giác Pháp thân rốt ráo cực địa Tỳ-lô-giá-na mới gọi là chân Phật. Chân Phật sâu xa không thể nào nói chỉ rõ, làm sao có thể hiểu được, như những gì Diệu Âm thực hiện mà Văn Thù không biết. huống chi hạng Hạ địa phàm phu làm sao chỉ rõ chân thân được. Nếu vì trâu dê gãy

đàn không bằng làm tiếng kêu của ruồi muỗi. Nếu từ Diệu Giác Ứng là Thật báo tướng hảo viên mãn - vô lượng quang minh, giống như chúng sanh bốn mươi một Địa ở cõi Thật báo, vì họ nói một pháp của thật để chánh chân mà giáo hóa họ. Ứng như vậy chẳng phải pháp giới khác kham nhận được. Tại vì sao? Bởi vì các Địa hạng này đã từng phần đi vào vị Địa, không thể dùng thân pháp giới khác để Ứng, cũng không được dùng thân Phật khác để Ứng. Như vậy Ứng ấy chỉ Ứng với cõi kia, chẳng phải cõi khác kham nhận được. Kế là cõi Biến dịch nói về Ứng Phật: Kinh Tiểu thừa chép: “Ngoài ba cõi vô sanh, năm loại ý sanh thân của Đại thừa mới sanh về Phương tiện độ”. Đây tức là ngoài ba cõi thọ sanh sanh về Biến dịch độ. Thích Luận chép: “Thân pháp tánh Bồ-tát sanh ngoài ba cõi, đã có sanh lẽ nào không có Ứng Phật?” Pháp Hoa chép: “Ta ở cõi nước khác làm Phật lại có tên gọi khác” chính là nghĩa này vậy. Ứng Phật này chính là có hai tướng: Một là thị hiện Thắng Ứng thân, ứng của thật báo tướng hảo viên mãn như trước nói. Hai là thị hiện Liệt Ứng thân, khiến cho người thấy kém hơn trước. chỉ là hai Phật lại không thị hiện làm các thân nhiều loại. Vì sao như vậy? Bởi vì thị hiện năm loại ý sanh thân khác nhau về lợi - độn, đi đến căn tánh này cho nên thị hiện hai thân, chỉ nói hai loại thứ tự - không thứ tự về Đại thừa, do đó không cần đến thân khác pháp khác để hóa độ. Như người Viên giáo chưa phá trừ vô minh và đã phá trừ từng phần, người Biệt giáo ở trong Hồi hướng và đã phá trừ từng phần vô minh ấy, người này sanh ở cõi kia thì căn lợi, người Biệt giáo chưa tu chưa phá trừ, và Thông giáo đoạn hoặc, người trong Tam Tạng đoạn hoặc sanh về cõi kia đều là căn độn. Phàm Thánh đồng cư độ nói về Ứng Phật: Độ có hai loại, một là tịnh độ - hai là uế độ. Như Phú Lâu na độ - Các độ ở Tây phương, chúng sanh trong đó có đủ ba đức kiến tư, không có tên gọi ba ác, quả báo nghiêm tịnh, đây gọi là Tịnh độ. Như vậy Ta bà có ba ác - bốn thú - gai góc - gò đồi, là tên gọi uế độ. Hoặc là tịnh hoặc là uế đều là Phàm Thánh đồng cư độ. Chúng sanh ở hai độ đều có hai loại, căn lợi trước nặng - căn độn trước nặng, căn lợi trước nhẹ - căn độn trước nhẹ. Trước nặng ấy là như chúng sanh cõi Ta bà thân hình xấu xí thấp bé hèn kém, mạng chỉ có tám mươi hoặc lại trung bình hay non yếu, phiền não hừng hực các kiến tâm cứng cõi cố chấp, thời tiết thô bạo hiểm độc, đây là năm trước nặng nề. Tịnh độ không như vậy, là vì năm trước nhẹ nhàng. Tại vì sao như vậy? Bởi vì không tu nhiều phước đức nên sanh về cõi trước nặng nề, tu nhiều phước đức nên sanh nơi cõi trước nhẹ nhàng. Hoặc sanh trong uế độ có giới và thừa đều chậm, có thừa nhanh

giới chậm, có thừa chậm - giới nhanh, có giới và thừa đều nhanh. Giới nhanh thọ thân trời người, thừa nhanh có cơ cảm đến Thánh. Cơ có hai loại: Một là Đại. Hai là Tiểu. Tiểu cơ thì thị hiện thân Phật tam tạng nói pháp, đại cơ tùy đó dùng thân Phật Xá Na nói pháp, vì thế cho nên giáng thân vào thai mẹ chính là thị hiện hai tướng. Đốn cơ đã cảm liền thấy Xá Na Bồ-tát cùng với trăm ngàn quyến thuộc vây chung quanh nơi thai nói pháp, chúng sanh mười phương đều ở trong thai, ra khỏi thai ánh sáng đầy khắp, nơi vắng lặng đạo tràng, trở thành Lô-xá-na Phật chuyển pháp luân như Nhất thật đế - vô lượng bốn đế v.v... ví như mặt trời mọc soi chiếu núi cao trước, liền nghe đốn giáo thấy Phật tánh được độ thoát. Vì thế kinh Niết-bàn chép: “Trong Tuyết Sơn có loại cỏ tên là nhãn nhục, nếu trâu bò ăn cỏ ấy liền được đề hồ”. Đây là nói điều này. Như người Tiểu cơ cảm đến Phật, chánh niệm đi vào thai mẹ ra đời trong vương cung, sáu năm khổ hạnh ngồi đệm cỏ dưới cây, thành Trưởng lão Tỳ-kheo Phật, ở nơi Lộc Dã Uyển (vườn nai) chuyển pháp luân sanh diệt bốn đế, năm người câu lân v.v... đầu tiên đạt được cam lồ ngộ đạo Tiểu thừa. Đã chẳng phải đề hồ thì không gọi là được độ thoát, cho nên chép: Chỉ xa lìa hư vọng gọi đó là giải thoát, thật ra chưa được giải thoát tất cả, chưa nhận được Đại giáo giống như điếc như câm, trong Đại giáo vô ích, chỉ có lực xông ướp sâu xa, dẫn đến giống như vị nhũ (sữa). Lúc nghe phương tiện nói về ba cõi dứt trừ kiến tư, bấy giờ chuyển vị nhũ thành lạc. Tiếp đến nghe Phương Đẳng bốn loại bốn đế, sử dụng Đại giáo công kích Tiểu giáo hổ thẹn Quyền pháp ngưỡng mộ Thật pháp, khởi tâm kích động mạnh gọi là vị sanh tô. Tiếp đến nghe ba loại bốn đế chuyển giáo của Bát-nhã, tâm đó hơi thuần thực gọi là vị thực tô. Tiếp tục nghe xả bỏ ba phương tiện của Pháp Hoa, chỉ nói về tri kiến nhất thật của Phật, Thanh-văn trừ diệt nghi ngờ được thọ ký làm Phật, Bồ-tát không còn mê hoặc tăng thêm đạo giảm bớt sanh, bấy giờ gọi là vị đề hồ. Người hàng Bồ-tát khắp pháp mê được lìa bỏ, người độn căn cũng giống như nhị thừa, người hàng nhị thừa bắt đầu từ nơi đây được thấy Phật tánh. Vì vậy chép: “Mới thấy thân Ta - nghe những gì Ta đã nói, liền đều tín thọ đi vào Như-lai tuệ” chứng minh người đại cơ trước đều đạt được đề hồ. “Ngoại trừ người trước đây tu tập học pháp Tiểu thừa, Ta nay cũng khiến cho được nghe kinh này đi vào Như-lai tuệ” tức là chứng minh hàng Tiểu cơ bắt đầu ở nơi Pháp Hoa được đi vào đề hồ. Nếu lại có hàng độn căn đối với Pháp Hoa không hiểu ra, lại đã trải qua nơi Bát-nhã điều phục thuần thực cho đến Niết-bàn, nói được ba tu, tức là nói về thường trụ được thấy Phật tánh, chính là vị đề

hồ, đây là cùng ở nơi uest độ thị hiện thân Phật nói về pháp Viên - Tiệm, hoặc thị hiện các loại thân nói pháp Viên - Tiệm. Bốn câu này mở ra nghĩa của năm vị, uest độ đã vậy thì tịnh độ cũng như thế, đã có hai cơ lợi - độ, lẽ nào không nói hai pháp đốn - tiệm để trình bày Ứng thân và nói pháp hay sao? Trong này thuận theo nói về Biệt - Viên căn cứ vào quán khởi lên từ bi, nay khắp cả pháp giới khởi lên ứng v.v... giống như trước đây suy nghĩ biết được.

Hỏi: Kinh chỉ chép: “Đạo đi ở cõi Ta bà”, không nói đến cõi nước như Thật báo - Phương tiện v.v...?

Đáp: Trong phần trả lời tổng quát chép: “Đạo đi các cõi nước”, các là nhiều không chỉ một, lẽ nào chỉ có Ta bà thôi sao? Lại như Đại Bản, văn chép: “Nếu có thể quán sát sâu sắc thấy Ta ở tại núi Kỳ-xà-quật cùng Thanh-văn - Bồ-tát Tăng. Đây chính là Ta bà mà là Phương tiện độ”. Lại chép: “Liên thấy Ta thuần các Bồ-tát không có hàng Thanh-văn - Duyên-giác, thì đây là Thật báo độ”. Do đó dựa theo cõi nước này trình bày nghĩa không sai lầm.

Hỏi: Hai cõi nước cùng gọi là pháp tánh vì sao khác nhau?

Đáp: Chân đế Trung đạo điều này thì rất khác nhau.

Kế là trình bày đáng dùng thân Bồ-tát được độ thoát. Hoặc Địa thượng - Địa hạ - Tam tạng - Thông - Biệt - Viên v.v... phụ giúp Phật không như nhau, nếu Phật ở cõi Thật báo làm Phật, thì Quán Âm chính là hình tướng Bồ-tát cõi Thật báo, hoặc làm hình tướng Bồ-tát cõi Phương tiện, hoặc làm hình tướng Bồ-tát cõi Đồng Cư, tùy theo hai duyên lợi độ. Tùy theo lợi duyên ấy tức là nhị thừa Pháp Tuệ - Kim Cương Tạng v.v... trong Hoa Nghiêm. Tùy theo độ duyên ấy là hoặc như Di-lặc v.v... Nếu chuyển pháp môn năm vị, pháp môn hưng phế phụ giúp Phật thì Bồ-tát cũng từng tiết từng tiết hưng phế hoặc quyền hoặc thật mở rộng lợi ích cho chúng sanh. Trong này cũng thuận theo nói về Biệt - Viên căn cứ vào quán cơ ứng. Kế là nói về thuận theo dùng thân Bích Chi Phật: Như Văn Thù hai muôn ức kiếp làm Bích Chi Phật, hóa độ chúng sanh hiện thân nói pháp.

Kế là nói đáng dùng thân Thanh-văn: Hoặc làm Tam tạng hoặc làm Thanh-văn Thông giáo, hoặc làm Thanh-văn tùy theo năm vị chuyển giao, trong bí mật ngoài hiện rõ trang nghiêm, bốn khô héo - bốn tươi tốt dẫn dắt lợi ích chúng sanh. Kế là dẫn chứng trong Hoa Nghiêm các vị Bồ-tát Tỳ-kheo đi vào pháp giới kiến, trú pháp môn bất tư nghị tức là nghĩa, thành tựu này. Kế là dẫn ra bốn loại quán - mười hai nhân duyên quán trong Đại Kinh, bốn địa từ bi của Biệt - Viên không

thủ - không xả, nay làm bốn loại bậc Thánh phổ ứng tất cả.

Hỏi: Phật làm sao độ Phật?

Đáp: Đẳng giác Bồ-tát làm thân Phật hóa độ sơ địa Phật, ý nào không được? Giống như người cũng có thể hóa độ người v.v...

Kế là nói về thân Phạm Thiên: Phạm tức là Thiên chủ cõi sắc tên là Thi Khí, Hán dịch nói là Đảnh kế. Anh lạc nói về bốn cõi thiên đều có vương. Ở đây nói là Phạm ấy phải là đỉnh của Sơ thiên, còn có giác quán nói pháp được làm chủ của ngàn cõi giới. Quán Âm tu Bạch sắc Tam-muội không thủ không xả, không thủ cho nên không tùy theo Thiên sanh ra, không xả cho nên thuận theo làm Phạm vương nói về xuất dục, bốn câu hiện thân là dùng Quyền dẫn ra Thật. Đáng dùng thân Đế Thích ấy là Địa này ở Thiên chủ. Nói đầy đủ là Thích Ca Đề Hoàn Nhân Đà La. Thích Ca nói là Năng, Đề Hoàn chỉ là Đề Bà, Đề Bà tức là Thiên, Nhân Đà La gọi là chủ. Bồ-tát tu nan phục Tam-muội không thủ không xả, nói các loại Thắng luận, bốn câu hiện thân dùng Quyền dẫn ra Thật. Trời Tự Tại là đỉnh của cõi Dục, nói đầy đủ là Bà Xá Bạt Đề, ở đây nói là Tha Hóa Tự Tại, mượn việc làm của người khác để trở thành niềm vui của mình, tức là ma vương. Tịnh Danh chép: “Phần nhiều là giải thoát bất tư nghị, Bồ-tát an trú xích sắc Tam-muội không thủ không xả, thuận theo làm Ma vương, khiến cho các cõi ma chính là cõi Phật, bốn câu hiện thân dùng Quyền dẫn ra Thật”. Đại Tự Tại tức là Ma-hê-thủ-la đỉnh của cõi Sắc. Lâu Thán gọi là A-ca-ni-tra, Hoa Nghiêm gọi là Sắc Cứu Cánh. Hoặc có người cho là cõi trời thứ sáu, nhưng các kinh luận phần nhiều gọi là Đại Tự Tại là đỉnh của cõi Sắc. Thích luận chép: “Vượt qua Tịnh Cư Thiên có Bồ-tát Thập trú tên gọi Đại Tự Tại, chủ của Đại thiên giới”. Kinh Thập Trú chép: “Ánh sáng của Đại trời Tự Tại hơn hẳn tất cả chúng sanh, Niết-bàn hiển cúng Đại trời Tự Tại tối thắng cho nên chẳng phải cõi trời thứ sáu”. Thích Luận chép: “Ma-hê-thủ-la-hán dịch là Đại Tự Tại cỡi trâu trắng tám tay ba mắt là các vị Thiên tướng, không biết đây là cùng tên gọi hay chính là chỉ ra vương làm tướng?”. Thiên Đại Tướng Quân: Như Kim Quang Minh thì lấy Tán chỉ làm Đại tướng. Đại Kinh chép: “Lực sĩ trong tám Kiện Đề Thiên”. Thích Luận gọi là Ma-hê-thủ-la giống như trước. Lại gọi là Cư-ma-già, ở đây nói là Đồng Tử, cưỡi chim khổng tước nâng gà cầm chuông xách phướn đỏ, Vi nữ Hán dịch là Biến Văn, bốn cánh tay nắm bảo bối cầm vòng tròn cưỡi chim cánh vàng, đều là những đại tướng cõi trời. Không biết Đại tướng quân này xác định là hạng nào phù hợp với bốn câu? Thân Tiểu Vương: Hoặc nói Thiên Vương là Đại

- Nhân vương là Tiểu. Ngay trong Nhân Vương có bốn loại Chuyển Luân Vương tự có Đại - Tiểu, nếu như chẳng phải bốn Luân Vương ấy thì gọi là Túc Tán Vương tự có đại tiểu, Trung Quốc gọi là Đại - nước phụ thuộc (phụ dung) gọi là Tiểu, lưu truyền mãi hưởng về lẫn nhau. Nay nói là Tiểu: Tiểu hãy còn vương hưởng đó là Đại hay sao? Đây cũng có bốn câu, đầu chỉ phước nghiệp thọ báo, đi vào Đồng Cư độ đầy đủ Hóa Tha, cùng nhau tu công đức Từ tâm lợi ích vật, đây là Vương vậy.

Thân Trưởng giả: Phải giải thích mười đức của người Trưởng giả bên trong phù hợp pháp môn.

Cư sĩ: Tích lũy nhiều của cải hàng hóa cư nghiệp dồi dào, lấy đây làm tên gọi vậy.

Tể quan: Tể nghĩa là chủ - quan là nghĩa công năng, nghĩa là ba bậc dùng công năng thường giúp đỡ công việc cho người chủ cho nên nói là Tể quan. Quận huyện cũng xưng là Tể quan, cai quản công việc dân chúng ở dưới vậy.

Bà-la-môn: Xưng là tịnh hạnh, kiếp ban đầu chủng tộc dừng lại nơi thôn dã người tự nhiên nhân rồi mà xưng gọi vậy. Mỗi mỗi thân đều có bốn câu căn cứ vào quán. Tiếp đến nêu ra bốn chúng giải thích giống như trước.

Kế là là thân phụ nữ: Không nói về phụ nữ của các Tiểu vương, Vương gia cấm cố không được đi lại phân tán, hóa vật là khó cho nên không làm. Nếu như Diệu Âm thì nói là ở hậu cung của Vương thay đổi làm hình tượng người nữ. Thân đồng nam đồng nữ: Phân biệt hai người con của Diệu Trang Nghiêm Vương để giải thích, trong Hoa Nghiêm - Đồng tử nghịch đất cát chơi đùa vui vẻ. Tiếp nói thân tám bộ: Trên nêu ra Đại oai đức Thiên, nay lại nêu lên hai mươi tám bậc Thiên, hoặc có thể là những tinh tú chủ quản nhân gian vậy. Rộng có bốn loại: Một. Trông coi cung điện cõi trời sắp xếp khiến cho không rơi xuống trần gian, phía trên nhà làm hình dạng rộng mà thôi. Hai. loại nổi mây lên gây nên mưa ích lợi cho trần gian. Ba. Loại rộng đất khơi sông mở ngòi. Bốn. Loại ẩn khuất trông coi kho tàng của Chuyển Luân Vương và người đại phước. Triệu sư chỉ đưa ra ba loại mà không đưa ra Thiên Long. Dạ Xoa ở đây nói là Tiệp Tật, loại này có ba nơi: Hải đảo - không trung - thiên thượng, truyền bá cho nhau giữ gìn không được ăn người. Lúc Phật mới thành đạo cho đến nói pháp truyền nhau xưng to đến trời. Càn-thát-bà Hán dịch là Hương Âm, thần nhạc của Đế Thích, trú nơi hang Kim Cương ở phía nam núi Tu-di, trời muốn tấu nhạc thì tâm loại đó chuyển động. Thập Sư chép: “Thân trú trong núi báu có tướng

đặc biệt, chính là sự tấu nhạc ở trên vậy. A-tu-la có ngàn cái đầu hai ngàn cánh tay, muôn cái đầu hai muôn cánh tay, hoặc ba đầu sáu tay, Hán dịch là Vô Tửu, giữ gìn một giới không uống rượu, nam xấu xí nữ xinh đẹp, chúng cùng nhau trú trong núi, hoặc nói ở đáy biển, phong luân giữ gìn nước như mây ở tại đó. Văn trước chép: “Ở tại bờ biển lớn, có đại lực miệng trách mắng mặt trăng mặt trời, mặt trăng mặt trời vì vậy mất ánh sáng; bàn tay đập Tu-di, Tu-di vì thế lồi lõm, đi vào biển ngang lưng, thấy trời uống cam lộ, mà bốn thiên hạ hái hoa, đặt rượu nếp vào trong bốn biển, chúng sanh trong biển nghiệp lực chủ trì, tiến lên thì mất cam lộ lùi lại thì không thành rượu, liền dứt trừ rượu cho nên nói là Vô Tửu, thần không uống rượu cho nên đạt được đại lực”.

Ca-lâu-la: Hán dịch là Kim-sí, đầu và cánh màu vàng theo đó để gọi tên. Loài chim này cùng với loài rồng qui ước “Người đến Tu-di làm cho đứt đoạn, ta đập biển thấy bùn, ta không bằng nộp con cho người sai bảo cung cấp, người không bằng nộp con để cho ta ăn. Thiên lực giữ Tu-di không thể đứt đoạn cho nên rồng nộp con. Chim do Noãn sanh ra ăn trứng rồng, không thể nào ăn ba loại sanh kia. Thấp sanh ăn hai - thai sanh ăn ba, hóa sanh ăn bốn.

Khẩn-na-la: Thần nhạc đàn sáo của Thiên Đế, nhỏ không bằng Càn-thát-bà, hình dạng tựa như người mà đầu có sừng, cũng gọi là Nghi Thần, cũng là người chẳng phải người. Nay không lấy người chẳng phải người để giải thích về Khẩn-na-la. Đây chính là kết thúc số lượng về tám bộ mà thôi.

Ma-hầu-la: Thập sư chép: “Là rồng đất”. Triệu sư chép: “Là loại trần lớn đi bằng bụng”. Tám bộ đều có thể thay đổi hình dạng vốn có mà ở nơi tòa nghe pháp. Thân thần Kim Cương chẳng phải số lượng tám bộ, tay cầm vật báu này hộ trì Phật pháp. Hoặc chép: Ở trong trời cõi Dục - cõi Sắc giáo hóa các trời, tức là Đại quyền Thần. Kinh chép: “Là anh của ta”.

Hỏi: Thân cõi trên có thể hóa độ cõi dưới, thân cõi dưới làm sao hóa độ cõi trên?

Đáp: Những việc làm của Bồ-tát thuận theo có thể được độ bền ứng hiện mà thôi, giống như Vương nghe loài kiến đánh nhau:

Kế là từ “Thành tựu công đức như thế v.v...” là trả lời chung, đây là kết thúc riêng mở ra chung, “thành tựu công đức như thế” là kết thúc riêng, “Dùng các loại thân hình đến các cõi nước” là trả lời chung. Các tên gọi không đồng, ngang thì rộng khắp mười phương, dọc thì xuyên suốt ba độ, tùy cơ biến hiện đâu chỉ có ba mươi ba thân. Tùy ý hóa độ

theo duyên há hạn cuộc ở thế giới Ta bà hay sao? Dùng nhiều loại hình tướng nói chung về thân thị hiện rộng rãi, đến các cõi nước là nói chung về nơi giáo hóa rộng rãi, độ thoát chúng sanh tổng quát nói về được lợi ích rộng rãi. Nói tuy sơ lược mà nghĩa trên rất rộng về phía trước cho nên gọi là trả lời chung. Thiện Tài đi vào pháp giới văn tuy rộng mà nghĩa chưa hẳn bao gồm mười pháp giới. Người của Tông Địa Luận thấy văn nhiều thì xếp vào Viên tông, thấy văn Pháp Hoa sơ lược thì cho là không phải chân tông. Nếu tìm ý này thì chẳng có nghĩa nào không chân thật. Ba từ “cho nên các ông v.v...” trở xuống, là khuyến khích cúng dường. Đức Phật trả lời câu hỏi trước đây là trước chung sau riêng, chưa khuyến khích thọ trì mà chúng sanh kính cúi xin lợi ích thâm kín, chỉ có thể trì danh theo tên chữ mà thôi, vì thế trước đây mở ra ba đoạn trước sau khai hợp tương xứng đối với nghĩa. Đức Phật trả lời câu hỏi sau là riêng trước, chung sau, chưa khuyến khích cúng dường mà chúng sanh đã đội ân lợi ích hiển rõ. Thấy sắc nghe tiếng cho nên khuyến khích cúng dường. Đây là khai hợp tương xứng trước sau, mà chung riêng trước sau ấy là nêu lên lẫn nhau mà thôi. Có người lấy trả lời chung làm khen ngợi công đức phân văn như vậy làm tổn hại đến nghĩa.

Hỏi: Sau khuyến khích cúng dường nhận ý chỉ dâng tặng anh lạc, trước đó khuyến khích trì danh sao có thể không có?

Đáp: Mặc niệm trì danh cho nên văn không rõ ràng, sự cúng dường hiển bày phải cõi chuỗi anh lạc. Lại muốn thành tựu nghĩa thâm kín hiển bày trước là lộ rõ cơ, hơn nữa trì danh mặc niệm tức là thành tựu cơ thâm kín, sau là cơ thâm kín, lại trải qua cúng dường tức là thành tựu cơ hiện rõ, khiến cho hai nghĩa đầy đủ.

Hỏi: Nêu ra ứng lại trở thành hai ứng ư? Đáp: Hai cơ đã đầy đủ chắc chắn biết có ứng, cho nên không nói thêm nữa.

Thứ nhất là khuyến khích chung cúng dường, hai là vâng theo ý chỉ. Thứ nhất lại có hai: Trước là khen ngợi công đức như văn, hai là nêu ra ý cúng dường. Ý ấy là đích thực căn cứ vào năng thí chúng sanh vô úy - từ đức hạnh được tên gọi. Chúng sanh ở nơi sợ hãi được thoát khỏi vì vậy nêu lên tên gọi này. Đức đã vô lượng thì tên gọi cũng nhiều, không thể nói không thể nói được. Trong vâng chỉ cúng dường chia làm sáu: Một là Vâng mạnh. Hai. Không nhận. Ba là Trở lại vâng mạnh. Bốn. Phật khuyến khích. Năm là Thọ nhận. Sáu. Kết luận đức hạnh đó. Kinh văn không chắc chắn, hoặc chúng bảo anh lạc hoặc làm thành chúng bảo châu, đây là phiên dịch giảm bớt độ dài mà thôi. Chúng bảo:

Các thứ báu xen giữa châu ngọc cùng nhau tô điểm nghiêm trang. Nếu dựa vào kinh Anh Lạc, thì từ Sơ Trụ là anh lạc bằng đồng quý báu cho đến Đẳng Giác là anh lạc bằng ma-ni, nay địa vị của Vô Tận Ý trên cao, sao bỗng nhiên chỉ có giá trăm ngàn lượng vàng? Đáp: Đây là sơ lược nói trăm họ muôn dân mà thôi, thật sự không thể như vậy. Nếu dựa vào quán giải thích điều ấy thì lấy sự bày tỏ lý đâu được dùng sự mà hiểu được! Cảnh là biểu thị cho lý nhất thật của Trung đạo, dùng rất nhiều pháp môn vô trước trang nghiêm thật tương giống như chuỗi anh lạc ở trên cổ. “Mở” là biểu thị cho Bồ-tát đối với hạnh nguyện thường xả bỏ, tất cả nguyện hạnh công đức cho đến trí Phật Bồ-đề Niết-bàn, cũng không trú không trước chẳng dựa vào chẳng ý lại cho nên nói là “Mở”. Kinh Đại Tập chép: Giới định tuệ Đà-la-ni dùng làm anh lạc, trang nghiêm cho pháp thân”. Trăm ngàn là mười muôn, đây là biểu thị cho một Địa có muôn công đức, tức là mười muôn. Pháp thí: Xưa chép: “Giống như pháp thí trọng pháp thí, cầu pháp thí, học pháp thí, đều gọi là pháp thí”. Vô Tận Ý trọng pháp cho nên thí, nay nói giống như pháp thí, chính là dùng tài vật thông suốt đối với pháp gọi là tài, tức là pháp tài, chính là nhân duyên sanh pháp tức Không - tức Giả - tức Trung, một tâm ba để đầy đủ tất cả, đối với pháp bình đẳng đối với tài cũng bình đẳng. Người thí như vậy chính là pháp thí. “Chẳng chịu nhận”: Sự giải thích Vô Tận Ý vâng mệnh cúng dường, mình chưa vâng mệnh sao bỗng nhiên vội vàng thọ nhận, cũng là sự cần phải khiêm tốn nhường lại. Quán giải thích điều ấy: Không thọ nhận cái dụng rộng lớn của Tam-muội cho nên không thọ nhận cái gì. “Xin Ngài vì thương chúng tôi: Hoặc có thể thỉnh cầu bậc trên xót thương hạng dưới, hoặc có thể địa vị ngang nhau cho nên thương xót lẫn nhau, hoặc có thể mình vì bốn chúng cho nên thí, vì không thọ nhận điều gì mà thọ nhận sự thỉnh cầu thọ nhận. Phật khuyến thưởng”: Tức là thương xót tất cả chúng sanh và bốn chúng, chính là Bồ-tát vì chúng sanh cho nên thí - vì chúng sanh cho nên thọ nhận. “Hai phần”: Biểu thị cho hai phần Sự - Lý. Nhân dâng lên hai vị Phật: Dem hai nhân hưởng về hai quả, lý tròn đầy tức là pháp Phật sự đầy đủ tức là Báo Phật, hai vị Phật biểu thị cho hai quả. Thứ ba từ “Trì Địa nói v.v...” trở xuống, là khen ngợi công đức nghe phẩm này. Văn chép: “Người nghe Quán Thế Âm này, là nghe một đoạn hỏi đáp về lợi ích thâm kín trước đó. Phẩm Phổ Môn: Là nghe một đoạn hỏi đáp về lợi ích hiện rõ”. Trong này nói về nghiệp Tự Tại, nếu là nghiệp của phàm phu bị ái làm thắm ướt, nhân duyên hữu lậu không được tự tại. Quán Âm vì điều phục mười pháp giới, thị hiện ba nghiệp này lực từ bi tưới

nhuần tùy theo cảm ứng mà thọ sanh, không bị phiền não hệ lụy, cho nên nói là nghiệp Tự tại, là thuộc về Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Đối với hai đế được tự tại không có gì sánh bằng ấy là nhị thừa tuy thoát ra ba cõi mà hãy còn có pháp bậc thượng chẳng phải không ai sánh bằng (vô đẳng đẳng). Phật là địa vị cao nhất cho nên nói không gì sánh bằng (vô đẳng), phát tâm cầu Phật cho nên nói không có ai sánh bằng (vô đẳng), sánh bằng Phật. Lại dựa theo tâm, trong tâm đầy đủ tám muôn bốn ngàn pháp môn, nếu phát tâm thật tướng tức là sánh bằng tám muôn bốn ngàn pháp môn, cũng là tám muôn bốn ngàn Ba-la-mật, cũng là tám muôn bốn ngàn trần lao môn làm hạt giống Như-lai. Kinh chép: “Phát tâm, cuối cùng cả hai không sai khác, hai tâm như vậy tâm trước là khó”. Nay phát sơ tâm chẳng khác gì hậu tâm, sơ tâm khó cho nên nói là vô đẳng, chẳng khác gì hậu tâm gọi là vô đẳng đẳng. Đây chính là bốn tất-đàn nói về phát tâm. Phát tâm có ba: Một là Danh tự phát, tức là năm hạng đệ tử, hai là tướng tự phát, là sáu căn thanh tịnh; Ba là Phần chân phát tâm, tức là từ Sơ Trụ trở lên đến đây. Phát tâm là phát tâm chân thật.

